

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Trường THPT Thanh Đa

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trường THPT Thanh Đa

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên | Chức danh, chức vụ | Nhiệm vụ | Chữ ký |
|----|-----------------------|--------------------|------------------------------------|--------|
| 1 | Nguyễn Ngọc Khánh Vân | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng, Nhóm trưởng | |
| 2 | Nghiêm Thị Xoa | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng, Nhóm trưởng | |
| 3 | Lê Thị Hà Giang | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng, Nhóm trưởng | |
| 4 | Lê Thị Thu Huyền | Giáo viên | Thư ký, Thành viên | |
| 5 | Lê Thị Phương Hà | Tổ trưởng | Thành viên | |
| 6 | Phạm Đình Thiên | Nhân viên | Thành viên | |
| 7 | Nguyễn Thị Mỹ Loan | Nhân viên | Thành viên | |
| 8 | Lương Thị Bích Liên | Nhân viên | Thành viên | |
| 9 | Trần Văn Xuân | Giáo viên | Thành viên | |

| | | | | |
|----|----------------------|-----------|------------|--|
| 10 | Đặng Lan Anh | Nhân viên | Thành viên | |
| 11 | Trần Thị Cẩm Nhung | Giáo viên | Thành viên | |
| 12 | Trần Thị Phương | Tổ trưởng | Thành viên | |
| 13 | Nguyễn Thúy Linh | Tổ trưởng | Thành viên | |
| 14 | Nguyễn Thành Trung | Nhân viên | Thành viên | |
| 15 | Lê Huỳnh Quang Khanh | Giáo viên | Thành viên | |
| 16 | Nguyễn Thị Vân Anh | Giáo viên | Thành viên | |
| 17 | Đào Ngọc Ngân Giang | Giáo viên | Thành viên | |
| 18 | Trần Thị Thúy Vinh | Nhân viên | Thành viên | |

MỤC LỤC

| | |
|--|------------------------------|
| TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ | Error! Bookmark not defined. |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 3 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 8 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 8 |
| 1. Tình hình chung của nhà trường | 8 |
| 2. Mục đích TĐG | 9 |
| 3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG | 9 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 10 |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 10 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 10 |
| Mở đầu: | 10 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 10 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 11 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 13 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 16 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học | 18 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 19 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 21 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 22 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 24 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 25 |
| Kết luận về tiêu chuẩn 1: | 27 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh | 28 |
| Mở đầu: | 28 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 28 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 30 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 33 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh | 35 |
| Kết luận về tiêu chuẩn 2: | 37 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học | 38 |
| Mở đầu: | 38 |

| | |
|---|-----------|
| Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: | 38 |
| Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: | 44 |
| Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: | 47 |
| Kết luận về tiêu chuẩn 3: | 49 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 50 |
| Mở đầu: | 50 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh | 50 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 53 |
| Kết luận về tiêu chuẩn 4: | 56 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | 57 |
| Mở đầu: | 57 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục | 57 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện | 61 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định | 63 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp | 65 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh | 67 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục | 70 |
| Kết luận về tiêu chuẩn 5: | 76 |
| II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4 | 77 |
| Tiêu chuẩn ĐG Mức 4: Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học Mức 4 | 77 |
| Mở đầu: | 77 |
| Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục | 77 |
| Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan | 77 |
| Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận | 78 |

| | |
|--|-----------|
| Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường..... | 79 |
| Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường... | 79 |
| Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận | 79 |
| Kết luận: | 80 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 83 |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | X | | |
| Tiêu chí 1.2 | | X | X | |
| Tiêu chí 1.3 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 | | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 | | X | | |
| Tiêu chí 1.6 | | X | X | |
| Tiêu chí 1.7 | | X | X | |
| Tiêu chí 1.8 | | X | | |
| Tiêu chí 1.9 | | X | X | |
| Tiêu chí 1.10 | | X | X | |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | X | X | |
| Tiêu chí 2.2 | | X | X | |
| Tiêu chí 2.3 | | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 | | X | X | X |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | X | | |
| Tiêu chí 3.2 | | X | | |
| Tiêu chí 3.3 | | X | X | |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | X | X | |
| Tiêu chí 4.2 | | X | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | X | X | |
| Tiêu chí 5.2 | | X | X | |
| Tiêu chí 5.3 | | | X | |
| Tiêu chí 5.4 | | | X | |
| Tiêu chí 5.5 | | | X | |
| Tiêu chí 5.6 | | X | | |

Kết quả: Đạt mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

| Tiêu chí | Kết quả | | Ghi chú |
|----------|---------|-----------|---------|
| | Đạt | Không đạt | |
| Khoản 1 | | X | |
| Khoản 2 | | X | |
| Khoản 3 | | X | |
| Khoản 4 | | X | |
| Khoản 5 | | X | |
| Khoản 6 | | X | |

Kết quả: Không đạt

2. Kết luận: Đạt mức 1

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường THPT Thanh Đa

Tên trước đây: Trường THPT Thanh Đa

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

| | | | |
|--|-----------------------|------------------------------|---|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Thành phố Hồ Chí Minh | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Ngọc Khánh Vân |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Quận Bình Thạnh | Điện thoại | 02835566043 |
| Xã / phường/thị trấn | Phường Bình Thạnh | Fax | |
| Đạt CQG | Chưa đạt cấp độ | Website | https://thptthanhda.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2019 | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | X | Loại hình khác | |
| Tư thục | | Thuộc vùng khó khăn | |
| Trường chuyên biệt | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | |
| Trường liên kết với nước ngoài | | | |

1. Số lớp học

| Số lớp học | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 |
|-------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Khối lớp 10 | 14 | 11 | 15 | 18 | 10 |
| Khối lớp 11 | 11 | 13 | 11 | 15 | 18 |
| Khối lớp 12 | 11 | 10 | 13 | 11 | 15 |
| Cộng | 36 | 34 | 39 | 44 | 43 |

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT | Số liệu | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 | Ghi chú |
|------------|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------|
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập | 56 | 56 | 56 | 56 | 54 | |
| 1 | Phòng học | 36 | 36 | 36 | 36 | 40 | |
| a | Phòng kiên cố | 36 | 36 | 36 | 36 | 40 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 2 | Phòng học bộ môn | 10 | 10 | 10 | 10 | 7 | |
| a | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 10 | 10 | 7 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Khôi phục vụ học tập | 10 | 10 | 10 | 10 | 7 | |
| a | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 10 | 10 | 7 | |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| II | Khôi phòng hành chính - quản trị | 9 | 9 | 9 | 9 | 12 | |
| 1 | Phòng kiên cố | 9 | 9 | 9 | 9 | 11 | |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| IV | Các công trình, khôi phòng chức năng khác (nếu có) | 4 | 4 | 4 | 4 | 30 | |
| | Cộng | 70 | 70 | 70 | 70 | 97 | |

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

| | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
|-----------------|-----------|-----------|----------|------------------|-----------|------------|---------|
| | | | | Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | |
| Giáo viên | 87 | 64 | 2 | 0 | 66 | 21 | |
| Nhân viên | 4 | 4 | 0 | 0 | 4 | 0 | |
| Cộng | 94 | 71 | 2 | 0 | 70 | 24 | |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| TT | Số liệu | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 |
|----|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tổng số giáo viên | 72 | 69 | 69 | 69 | 87 |
| 2 | Tỉ lệ giáo viên/lớp | 2 | 2.02 | 2.02 | 2.02 | 2.02 |
| 3 | Tỉ lệ giáo viên/học sinh | 0.04 | 0.04 | 0.04 | 0.04 | 0.04 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

4. Học sinh

a) Số liệu chung

| TT | Số liệu | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| 1 | 1. Tổng số học sinh | 1519 | 1429 | 1618 | 1814 | 1775 | |
| | Nữ | 751 | 677 | 773 | 890 | 870 | |
| | Dân tộc thiểu số | 30 | 27 | 25 | 31 | 39 | |
| | Khối lớp 10 | 604 | 464 | 653 | 786 | 452 | |
| | Khối lớp 11 | 449 | 543 | 436 | 603 | 732 | |
| | Khối lớp 12 | 466 | 422 | 529 | 425 | 591 | |
| 2 | 2. Tổng số tuyển mới | 604 | 464 | 653 | 786 | 465 | |
| 3 | 3. Học 2 buổi/ngày | 1519 | 1429 | 1618 | 1814 | 1775 | |
| 4 | 4. Bán trú | 640 | 850 | 920 | 980 | 945 | |

| | | | | | | | |
|----|---|-------|-------|-------|-------|------|--|
| 5 | 5. Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 6 | 6. Bình quân số học sinh/lớp học | 42 | 42 | 42 | 42 | 41 | |
| 7 | 7. Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 98.74 | 99.37 | 99.81 | 99.22 | 99.5 | |
| | Nữ | 50.66 | 47.53 | 47.82 | 49.16 | 49.1 | |
| | Dân tộc thiểu số | 1.85 | 1.76 | 0.12 | 0.11 | 2.2 | |
| 8 | 8. Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 7 | 4 | 3 | 13 | 23 | |
| 9 | 9. Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 10 | 10. Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 59 | 71 | 84 | 77 | 65 | |
| | Nữ | 25 | 40 | 52 | 44 | 40 | |
| | Dân tộc thiểu số | 0 | 5 | 2 | 2 | 4 | |
| 11 | 11. Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

| Số liệu | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 | Ghi chú |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi | 16.71 | 15.63 | 14.64 | 14.55 | 12.9 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại khá | 50.41 | 50.95 | 50.86 | 55.42 | 54.93 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 3.69 | 1.61 | 0.62 | 1.49 | 1.35 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh | 80.64 | 80.17 | 86.09 | 86.17 | 84.96 | |

| | | | | | | |
|--|------|------|-------|-------|-------|--|
| kiểm tốt | | | | | | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 0.53 | 14.3 | 10.25 | 10.45 | 10.87 | |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 1.97 | 4.41 | 3.33 | 2.16 | 2.42 | |

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học phổ thông Thanh Đa đặt tại địa chỉ số 186, đường Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21 tháng 9 năm 1979, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 252/QĐ-UB về việc thành lập Trường Phổ thông trung học “Phan Đăng Lưu” và Trường Phổ thông trung học “Thanh Đa” trực thuộc Sở Giáo dục. Ngày 28 tháng 9 năm 1985, Bộ Giáo dục ban hành quyết định số 118/QĐ về việc công nhận 15 trường Phổ thông trung học của Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh đã đủ diện là những trường Phổ thông trung học theo quy chế của Bộ Giáo dục. Ngày 06 tháng 5 năm 2002, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1862/QĐ-UB về việc cho phép đổi tên các trường phổ thông trung học và trường phổ thông cấp 2-3 thành trường trung học phổ thông. Theo quyết định này Trường Phổ thông trung học Thanh Đa chính thức mang tên Trường Trung học phổ thông Thanh Đa. Ngày 20 tháng 11 năm 2019, Trường trung học phổ thông Thanh Đa long trọng tổ chức kỷ niệm 40 năm thành lập và phát triển. Trong suốt quá trình trường thành lập và hoạt động dưới các tên khác nhau, đến nay có thể khẳng định Trường Trung học phổ thông Thanh Đa cùng với các trường học khác trên địa bàn quận Bình Thạnh đã góp phần quan trọng đối với công tác phát triển giáo dục trên địa bàn quận nói riêng và thành phố, cả nước nói chung. Định hướng trong thời gian tới về tầm nhìn: “Đến năm 2025, Trường THPT Thanh Đa là một trong những trường có chất lượng giáo dục cao, học sinh sẽ lựa chọn để học tập, rèn luyện; nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên với tư duy độc lập, tham gia tích cực vào việc học tập suốt đời”, về sứ mệnh: “Xây dựng môi trường giáo dục năng động, sáng tạo, nề nếp, kỷ cương để mỗi cá nhân đều có cơ hội hoàn thiện nhân cách, phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và tiềm lực của mình”. Trong giai đoạn hiện nay, việc thực hiện tự đánh giá là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong nhận thức và hành động đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường, thực hiện Nghị quyết, chủ trương của Đảng, của Nhà nước về đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục. Trong thời gian tới, trường tiếp tục quán triệt và triển khai các giải pháp nhằm thực hiện tốt sứ mệnh của Ngành giáo dục theo chỉ

đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo về giảng dạy và giáo dục học sinh: học để làm người công dân tốt, có đầy đủ kỹ năng thích ứng với đô thị thông minh và quá trình hội nhập quốc tế; học để làm con hiếu thảo, có trách nhiệm, xây dựng gia đình hạnh phúc; học để có nghề nghiệp hiệu quả, nuôi bản thân và gia đình; học để đóng góp cho thành phố và đất nước. Với sự phấn đấu nỗ lực vươn lên không ngừng của đội ngũ thầy cô và học sinh, Trường Trung học phổ thông Thanh Đa sẽ là địa chỉ đáng tự hào với truyền thống “rèn Đức - luyện Tài”, xứng đáng là nơi cha mẹ học sinh có thể gửi gắm niềm tin cho tương lai con em mình, nơi chấp cánh cho những ước mơ bay cao, bay xa.

2. Mục đích TĐG

Nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, từ đó đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu “Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại”.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường gồm 15 thành viên. Các thành viên trong hội đồng thực hiện thu thập, xử lý, phân tích các minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá. Thư ký có trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc, mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp Chủ tịch hội đồng tự đánh giá rà soát, hoàn chỉnh các phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Báo cáo tự đánh giá sau khi thông qua hội đồng tự đánh giá được công bố để lấy ý kiến của hội đồng sư phạm nhà trường và gửi cấp trên. Tóm tắt quá trình thực hiện tự đánh giá: Thời gian Nội dung hoạt động Tuần 1(12-16 tháng 12 năm 2022) Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá Tuần 2, 3(19-30 tháng 12 năm 2022) Lập kế hoạch tự đánh giá. Tuần 4,5,6,7,8(03 tháng 01 đến ngày 17 tháng 02 năm 2023) Thu thập, xử lý và phân tích minh chứng. Tuần 9,10,11(20 tháng 02 đến 10 tháng 03 năm 2023) Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí. Tuần 12,13,14(13 tháng 03 đến 31 tháng 03 năm 2023) Viết báo cáo tự đánh giá. Tuần 15,16(03-14 tháng 04 năm 2023) Công bố báo cáo

tự đánh giá. Tuần 17(Từ 17 tháng 04 năm 2023) Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có bộ máy tổ chức nhà trường từ cán bộ quản lý đến các tổ chuyên môn được bố trí phù hợp về số lượng, chuẩn về trình độ đào tạo và có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành các hoạt động trong nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành mọi hoạt động nhà trường đều có kế hoạch cụ thể, đảm bảo tính hệ thống, khoa học, dân chủ.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo

Mức 2: Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển

Mức 3: Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026: Phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục: Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Quận Bình Thạnh giai đoạn 2020-2025: huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường sống tốt cho người dân, xây dựng quận Bình Thạnh phát triển bền vững; và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường về cơ sở vật chất, tài chính, đội ngũ.

b) Văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026 được Hiệu trưởng ký tên đóng dấu và được Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Nhà trường chưa ban hành phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2026-2030.

c) Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026 được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại phòng hội đồng của nhà trường và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Mức 2:

Nhà trường giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026 thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường .

Mức 3:

Việc tổ chức xây dựng, rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026 có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, có sự tham gia của học sinh, cha mẹ học sinh nhưng chưa có sự tham gia của cộng đồng .

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2026 .

2. Điểm mạnh

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với các nguồn lực của nhà trường về cơ sở vật chất, tài chính, đội ngũ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa ban hành phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2026-2030.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng thực hiện kế hoạch xây dựng và ban hành phương hướng xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2026 - 2030 vào tháng 6 năm 2026 có sự tham gia của của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá

Mức 2: Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng Trường Trung học phổ thông Thanh Đa nhiệm kỳ 2017 - 2022 được thành lập theo Quyết định về bổ sung, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường số 2758/QĐ-GDDT-TC ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Hội đồng Trường Trung học phổ thông Thanh Đa được thành lập theo Quyết định số 3544/QĐ-GDĐT-TC ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định bổ sung, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường số 2175/QĐ-GDĐT-TC ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Hội đồng đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp trường của học sinh được thành lập theo từng năm học: năm học 2024 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 188/QĐ-THPTTĐ ngày 30 tháng 9 năm 2024, năm học 2025 - 2026 được thành lập theo Quyết định số 236/QĐ-THPTTĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Hội đồng sáng kiến năm học 2021 - 2022 được thành lập theo Quyết định số 29/QĐ-THPTTĐ ngày 02 tháng 03 năm 2022; năm học 2022 - 2023 được thành lập theo Quyết định số 29/QĐ-THPTTĐ ngày 02 tháng 03 năm 2022; năm học 2023 - 2024 được thành lập theo Quyết định số 29/QĐ-THPTTĐ ngày 02 tháng 03 năm 2022; năm học 2024 - 2025 được thành lập theo Quyết định số 64/QĐ-THPTTĐ ngày 13 tháng 03 năm 2025; năm học 2025 - 2026 được thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-THPTTĐ ngày 16 tháng 03 năm 2026 .

Năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025, Hội đồng thi đua khen thưởng của trường hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng theo Quyết định số 27/QĐ-THPTTĐ ngày 20 tháng 05 năm 2019. Từ ngày 24 tháng 9 năm 2025, Hội đồng thi đua khen thưởng của trường thực hiện theo Quyết định số 199/QĐ-THPTTĐ ngày 24 tháng 9 năm 2025 .

Nhà trường thành lập Hội đồng kỷ luật học sinh trong những trường hợp cần thiết để xử lý kỷ luật đối với học sinh trong mỗi năm học như: Quyết định số 233/QĐ-THPTTĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, Quyết định số 09/QĐ-THPTTĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025, Quyết định số 42/QĐ-THPTTĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, Quyết định số 39/QĐ-THPTTĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025. . Từ năm học 2025-2026, nhà trường không thành lập các Hội đồng kỷ luật học sinh, mà thực hiện công tác giáo dục, kỷ luật học sinh theo Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh.

b) Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Thanh Đa thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học như: quyết định chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường, quyết định về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, phê duyệt kế hoạch giáo dục của nhà trường, giám sát hoạt động tuyển sinh và việc tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, giám sát việc thực hiện các quyết định của hội đồng trường và việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Hội đồng khoa học, hội đồng sáng kiến, hội đồng thi đua, khen thưởng, hội đồng kỷ luật học sinh Trường Trung học phổ thông Thanh Đa thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học như: hội đồng khoa học đánh giá các nghiên cứu khoa học của học sinh;

hội đồng sáng kiến đánh giá sáng kiến của giáo viên trong trường; hội đồng thi đua, khen thưởng đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường; hội đồng kỷ luật học sinh xét hoặc xóa kỷ luật học sinh theo từng vụ việc.

c) Các hội đồng được rà soát, đánh giá định kỳ vào cuối năm học, thực hiện các thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị trong từng giai đoạn ;;; .

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả, định kỳ và thường xuyên sơ kết, tổng kết các công tác đã thực hiện, đưa ra các nội dung trọng tâm, định hướng và các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các hội đồng khác trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, thiết thực, từ đó khuyến khích giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường thi đua phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, thiết thực, từ đó khuyến khích giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường thi đua phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, thực hiện các thay đổi của Hội đồng thi đua khen thưởng để phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị mới chỉ được thực hiện một lần trong một năm học (vào cuối năm học).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng lập kế hoạch họp thường kỳ hội đồng vào đầu năm học 2026-2027 với nội dung dự thảo cụ thể, để các thành viên trong các hội đồng chủ động góp ý, xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, chức năng của hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng lập kế hoạch rà soát, đánh giá hoạt động của hội đồng vào cuối học kỳ 1 (tháng 12) và cuối năm học (tháng 5) để điều chỉnh kế hoạch hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác để phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định
- b) Hoạt động theo quy định
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công đoàn Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có cơ cấu tổ chức theo quy định: gồm 109 công đoàn viên, 08 tổ công đoàn bộ phận được sắp xếp theo các tổ bộ môn trực thuộc, ban chấp hành công đoàn có 05 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 03 ủy viên, công đoàn có 03 ban gồm: ban thi đua phong trào, ban nữ công và ủy ban kiểm tra.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có cơ cấu tổ chức theo quy định theo Quyết định chuẩn y nhân sự Ban chấp hành Đoàn Trường Trung học phổ thông Thanh Đa theo nhiệm kỳ từng năm học của Ban thường vụ Quận Đoàn Bình Thạnh; Quyết định chuẩn y nhân sự Ban chấp hành Đoàn Trường Trung học phổ thông Thanh Đa nhiệm kỳ 2025-2026 do thường vụ Đoàn Phường Bình Thạnh chuẩn y: Đoàn trường gồm 43 chi đoàn, Ban chấp hành Đoàn trường gồm 11 đồng chí, trong đó có 01 Bí thư, 01 phó bí thư thường trực và 09 ủy viên.

Chi đoàn giáo viên có cơ cấu tổ chức theo quy định theo Quyết định chuẩn y nhân sự Ban chấp hành Chi đoàn giáo viên Trường Trung học phổ thông Thanh Đa nhiệm kỳ 2024 - 2027 của Ban thường vụ quận Đoàn Bình Thạnh: chi đoàn giáo viên gồm 23 đoàn viên, Ban chấp hành chi đoàn gồm 03 đồng chí, trong đó có 01 Bí thư, 01 phó bí thư và 01 ủy viên.

Ban chấp hành Hội chữ thập đỏ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có cơ cấu tổ chức theo quy định: gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 5 ủy viên; chi hội khuyến học Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có cơ cấu theo quy định: gồm 01 chi hội trưởng, 01 chi hội phó và 03 ủy viên.

b) Tổ chức công đoàn, đoàn trường, chi đoàn giáo viên, hội chữ thập đỏ, chi hội khuyến học xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện các mục tiêu giáo dục;;;

c) Hằng năm tổ chức công đoàn, đoàn trường, chi đoàn giáo viên, hội chữ thập đỏ, chi hội khuyến học thực hiện các báo cáo sơ kết và tổng kết cuối năm để đánh giá kết quả hoạt động và những tồn tại để khắc phục cho những kế hoạch năm sau;;;

Mức 2:

a) Từ năm 2020 đến tháng 7 năm 2025, chi bộ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có cơ cấu tổ chức theo quyết định chuẩn y kết quả bầu cử cấp uỷ cơ sở Chi bộ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa nhiệm kỳ 2020-2025 của Ban thường vụ quận uỷ Bình Thạnh bao gồm 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 chi uỷ viên. Từ tháng 7 năm 2025, chi bộ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có cơ cấu tổ chức theo quyết định chuẩn y kết quả bầu cử cấp uỷ cơ sở Chi bộ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa nhiệm kỳ 2025-2030 của Ban thường vụ Đảng uỷ Phường Bình Thạnh bao gồm 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 chi uỷ viên, chi bộ gồm 24 đảng viên. Từ tháng 11 năm 2025, chi bộ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa khuyết bí thư do sự điều động công tác cán bộ quản lý của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh .

Chi bộ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có quy chế hoạt động theo đúng Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong 05 năm liên tục chi bộ luôn được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 2021 - 2025.

b) Tổ chức công đoàn, đoàn trường, chi đoàn giáo viên, hội chữ thập đỏ và chi hội khuyến học đưa ra kế hoạch hoạt động hiệu quả, bám sát vào kế hoạch giáo dục và các kế hoạch khác của nhà trường, góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục của nhà trường: phối hợp với nhà trường thực hiện tổ chức các hoạt động hướng nghiệp tại trường, các hoạt động thể dục, thể thao, văn nghệ, các hoạt động, sân chơi chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, vận động công đoàn viên, đoàn viên thực hiện tốt các phong trào thi đua theo kế hoạch của trường, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng sống, khen thưởng học sinh có thành tích tốt trong học tập hoạt động phong trào...từ đó giúp cho các hoạt động chung của nhà trường được triển khai sâu rộng và tham gia của toàn thể giáo viên, nhân viên, học sinh trong trường;;;

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa được Quận uỷ Bình Thạnh, Đảng uỷ Phường Bình Thạnh đánh giá 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Tổ chức công đoàn, đoàn trường, chi đoàn giáo viên, hội chữ thập đỏ và chi hội khuyến học có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, tham gia tốt các hoạt động của cấp trên và có nhiều thành tích trong các hoạt động thi đua như: đoàn trường được Quận đoàn Bình Thạnh, Đoàn Phường Bình Thạnh khen tặng Giấy khen hoàn thành tốt công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025; chi đoàn giáo viên được Quận đoàn Bình Thạnh khen tặng Giấy khen hoàn thành tốt công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2021 - 2022, 2022-2023, 2024-2025; đoàn trường và chi đoàn giáo viên tham gia các chiến dịch “Hoa phượng đỏ”, chiến dịch “Xuân tình nguyện” ...theo kế hoạch hoạt động của các cấp trên và các hoạt động đóng góp có hiệu quả cho cộng đồng;; tuy nhiên công tác tuyên truyền vận động cho các hoạt động đóng góp cho cộng đồng do tổ chức công đoàn, đoàn trường, chi đoàn giáo

viên, hội chữ thập đỏ và chi hội khuyến học tổ chức thực hiện chưa có sức lan tỏa rộng rãi.

2. Điểm mạnh

Tổ chức công đoàn, đoàn trường, chi đoàn giáo viên, hội chữ thập đỏ và chi hội khuyến học đưa ra kế hoạch hoạt động hiệu quả, bám sát vào kế hoạch giáo dục và các kế hoạch khác của nhà trường, góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục của nhà trường. Tổ chức công đoàn, đoàn trường và chi đoàn giáo viên đạt nhiều thành tích trong các phong trào.

3. Điểm yếu

Công tác tuyên truyền vận động cho các hoạt động đóng góp cho cộng đồng do tổ chức công đoàn, đoàn trường, chi đoàn giáo viên, hội chữ thập đỏ và chi hội khuyến học tổ chức thực hiện chưa có sức lan tỏa rộng rãi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chủ tịch công đoàn, Bí thư đoàn trường, Bí thư chi đoàn giáo viên, Chủ tịch Ban chấp hành Hội chữ thập đỏ Trường Trung học phổ thông Thanh Đa, Chi hội trưởng chi hội khuyến học thể hiện trong kế hoạch hoạt động với các biện pháp tuyên truyền có hiệu quả cho các hoạt động đóng góp cho cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2021 - 2022 trường có 36 lớp; năm học 2022 -2023 trường có 38 lớp; năm học 2023 -2024 có 39 lớp; năm học 2024 -2025 có 44 lớp và năm học 2025 -2026 có 43 lớp do đó nhà trường được biên chế cán bộ quản lý gồm 03 đồng chí: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng theo quy định. Các chức danh hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều có quyết định bổ nhiệm theo đúng quy định.

b) Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn đúng theo quy tại Điều 14 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: gồm 11 tổ chuyên môn (tổ Toán, tổ Văn, tổ Ngoại ngữ, tổ Lý, tổ Hóa, tổ Sinh - Công nghệ, tổ Sử , tổ Địa - Giáo dục kinh tế pháp luật, tổ Giáo dục thể chất, tổ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, tổ Tin học - Nghệ thuật) với 11 tổ trưởng và 03 tổ phó. Cơ cấu tổ chức của tổ văn phòng đúng theo quy tại Điều 15 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: 01 tổ Văn phòng gồm nhân viên thực hiện công tác văn thư, thủ quỹ, y tế trường học, bảo vệ, vệ sinh, trong đó có 01 tổ trưởng. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có quyết định thành lập và có Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó của các tổ theo năm học.

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng lập kế hoạch hoạt động của tổ trong từng năm học; các tổ đều họp tổ ít nhất là 02 tuần/01 lần để thông qua các kế hoạch hoạt động của tổ, sinh hoạt chuyên môn, các chuyên đề, phổ biến kịp thời những nội dung, quy định mới của nhà trường. Tổ chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ theo quy định: xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình, tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch, và thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công . Tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định: giúp hiệu trưởng thực hiện công tác văn thư, nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản, thống kê, bảo vệ trong nhà trường, tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch, tham gia đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động, quản lý, lưu trữ hồ sơ của trường, và thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

Mức 2:

a) Tổ chuyên môn một năm thực hiện ít nhất một chuyên đề như: chuyên đề “Thiết kế tên lửa nước” (tổ Lý), chuyên đề “Tìm hiểu luật thông đường bộ” (tổ Sử - Giáo dục công dân), chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” (tổ Văn), chuyên đề “Thiết kế tuyên truyền phòng chống cháy nổ” (tổ Hóa), ... nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch thực hiện chuyên đề của tổ đều được trình lên cán bộ quản lý phê duyệt trước rồi mới thực hiện.

b) Vào đầu năm học các tổ chuyên môn đều họp thống nhất và điều chỉnh phân phối chương trình của môn học cho phù hợp, phân công chuyên môn cho các giáo viên trong tổ; các tổ chuyên môn sinh hoạt ít nhất 02 tuần/lần và họp đột xuất theo yêu cầu của Hiệu trưởng, thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định như: trao đổi, bàn bạc về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động giáo dục khác; đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo định hướng nghiên cứu bài học; rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện phân công nhiệm vụ trong tổ cho phù hợp theo quy định; giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân vào đầu năm học và điều chỉnh kế hoạch cá nhân khi có thay đổi phân

công hoặc kế hoạch tổ; tổ trưởng tổ văn phòng kiểm tra công việc thực hiện và thời gian làm việc của nhân viên tổ văn phòng.

Cuối năm học, phó hiệu trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch hoạt động của tổ, các loại hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn luôn thực hiện đúng thời gian quy định về công tác báo cáo thực hiện chương trình, nhập điểm, đủ số cột điểm theo quy định và có đủ các loại hồ sơ chuyên môn; tổ chuyên môn và tổ văn phòng điều chỉnh kịp thời các hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường; tuy nhiên việc thực hiện sắp xếp, lưu trữ các hồ sơ công việc của tổ văn phòng chưa thực sự hiệu quả.

b) Các chuyên đề của các tổ chuyên môn được thực hiện nghiêm túc, sáng tạo do đó có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

2. Điểm mạnh

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện sắp xếp, lưu trữ các hồ sơ công việc của tổ văn phòng chưa thực sự hiệu quả

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất và tổ trưởng tổ văn phòng xây dựng quy trình thực hiện các hồ sơ lưu trữ của từng bộ phận văn phòng và triển khai thực hiện từ tháng 06 năm 2025; đồng thời bố trí lại bộ phận tiếp nhận, xử lý, trả hồ sơ tại văn phòng trong tháng 7 và tháng 8 năm 2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ

1. Mô tả hiện trạng

a) Năm học 2021 - 2022 trường có tổng số 36 lớp gồm khối 12: 11 lớp, khối 11: 11 lớp, khối 10: 14 lớp; năm học 2022 - 2023 trường có tổng số 34 lớp gồm khối 12: 11 lớp, khối 11: 13 lớp, khối 10: 10 lớp; năm học 2023 - 2024 trường có tổng số 39 lớp gồm khối 12: 13 lớp, khối 11: 11 lớp, khối 10: 15 lớp; năm học 2024 - 2025 trường có tổng số

44 lớp gồm khối 12: 11 lớp, khối 11: 15 lớp, khối 10: 18 lớp; năm học 2025 - 2026 trường có tổng số 43 lớp gồm khối 12: 15 lớp, khối 11: 18 lớp, khối 10: 10 lớp .

b) Lớp học được tổ chức đúng theo Điều 16 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể: Mỗi lớp có 01 lớp trưởng và 02 đến 03 lớp phó phụ trách vấn đề học tập, kỷ luật và phong trào. Cán bộ của lớp do tập thể học sinh trong lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Trong mỗi lớp thường được chia làm 04 tổ. Mỗi tổ có từ 10 đến 12 học sinh. Một tổ gồm có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó điều do các học sinh trong tổ bầu ra từ đầu năm.

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ có biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng của các lớp; các lớp đều có sổ chủ nhiệm để ghi các thông tin cần thiết về các học sinh trong lớp, các kế hoạch hoạt động của trường phổ biến đến các lớp và các công việc riêng của lớp cần thực hiện; hàng tuần lớp sơ kết về tình hình thực hiện nội quy và việc học tập của học sinh trong lớp, đề tuyên dương những học sinh làm tốt và nhắc nhở phê bình những học sinh vi phạm;; ban cán sự lớp có tham gia đối thoại với lãnh đạo nhà trường về các mặt cơ sở vật chất, học tập, phong trào và các mặt khác của nhà trường, tuy nhiên một số cán bộ lớp ở khối 10 chưa hoạt động hiệu quả, chưa thực hiện tốt công tác vệ sinh lớp học .

2. Điểm mạnh

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ có biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng của các lớp; các lớp đều có sổ chủ nhiệm để ghi các thông tin cần thiết về các học sinh trong lớp, ban cán sự lớp có tham gia đối thoại với lãnh đạo nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số cán bộ lớp ở khối 10 chưa hoạt động hiệu quả, chưa thực hiện tốt công tác vệ sinh lớp học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sau khi kết thúc học kỳ I, Phó Hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh cùng với giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện các buổi tập huấn, bồi dưỡng các kỹ năng cho cán sự lớp, đặc biệt là đối với học sinh khối 10.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán

Mức 3: Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ: các công văn đến và công văn đi của trường đều được lưu theo sổ công văn đến, công văn đi tại văn phòng, các loại hồ sơ giáo dục được lưu trữ theo từng mục theo quy định.

b) Nhà trường thực hiện tốt việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định,. Cuối mỗi quý, mỗi năm thực hiện lập báo cáo tài chính về thu - chi ngân sách nộp về Phòng Kế hoạch Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo; nhà trường định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định và công khai niêm yết trên bảng thông báo tại phòng hội đồng và trên website. Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường và các quy định hiện hành.

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo đúng mục đích theo các quy định hiện hành và đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục, các nguồn tài chính của nhà trường được sử dụng để chi cho các hoạt động theo các chức năng, nhiệm vụ của nhà trường (như chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, chi cho học sinh, chi cho nghiệp vụ giảng dạy và học tập, chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên) và các khoản chi không thường xuyên;

Mức 2:

a) Nhà trường sử dụng phần mềm Misa Mimosa và phần mềm QLTS để quản lý hành chính, tài sản, tài chính của nhà trường.

b) Kết luận của thanh tra, kiểm toán trong 05 năm liên kế từ 2021 - 2025 nhà trường không có vi phạm liên quan đến: quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

Mức 3:

Nhà trường phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng và thực hiện kế hoạch vận động tài trợ ngắn hạn cho từng năm học để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-06]; tuy nhiên nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn cụ thể để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đầu năm học 2026-2027, Hiệu trưởng phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch vận động tài trợ dài hạn từ năm 2026-2030, và dự thảo các kế hoạch cho từng năm học để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương; có phân công cụ thể để các bộ phận có liên quan như kế toán, thủ quỹ, ... thực hiện, có định kỳ rà soát, điều chỉnh để phù hợp thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên
 - b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường
 - c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định
- Mức 2: Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thường xuyên (hàng năm) và đột xuất theo yêu cầu thực tế.
- b) Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, trình độ đào tạo của giáo viên, nhân viên đúng với đề án vị trí việc làm, đảm bảo hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học như: quyền được hưởng lương, chế độ phụ cấp, được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, quyền được nghỉ hè và các ngày nghỉ khác theo quy định....;;.

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong nhà trường, xây dựng chế độ khen thưởng cho giáo viên, nhân viên có đóng góp tích cực cho công tác giáo dục của nhà trường, khen thưởng giáo viên, nhân viên hoàn thành các khóa học vượt chuẩn...; nhằm phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tuy nhiên công tác tuyên truyền vinh danh giáo viên, nhân viên có đóng góp tích cực cho công tác giáo dục của nhà trường chưa đa dạng và kịp thời.

2. Điểm mạnh

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường rõ ràng, hợp lý, đúng với chuyên môn, trình độ của giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Công tác tuyên truyền vinh danh giáo viên, nhân viên có đóng góp tích cực cho công tác giáo dục của nhà trường chưa đa dạng và kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu năm học 2026-2027, Hiệu trưởng phân công cụ thể bộ phận phụ trách công tác tuyên truyền vinh danh giáo viên, nhân viên có đóng góp tích cực cho công tác giáo dục của nhà trường một cách kịp thời, có hiệu quả, đa dạng hình thức.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường
- b) Kế hoạch giáo dục được xây dựng, phê duyệt và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo quy định
- c) Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả

Mức 2: Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có)

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, căn cứ các quy định hiện hành và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố, của Phường Bình Thạnh và các điều kiện của nhà trường như lực lượng giáo viên, nhân viên, điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí....

b) Kế hoạch giáo dục sau khi được dự thảo, hiệu trưởng lấy ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch, trình Hội đồng trường phê duyệt và phổ biến, quán triệt các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, phân phối chương trình các môn học, các hoạt động giáo dục... đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-05] ;. Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục thông qua các cuộc họp giao ban hàng tuần, họp hội đồng hàng tháng, họp sơ kết cuối học kỳ và các cuộc họp của hội đồng trường nhằm phù hợp với điều kiện thực tế.

c) Kế hoạch giáo dục của trường bao gồm: chương trình dạy học chính khóa, chương trình dạy học buổi 2, chương trình giáo dục ngoài giờ chính khóa (Chương trình nhà trường thực hiện các đề án), hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, rèn luyện kỹ năng sống, tổ chức các câu lạc bộ, hoạt động văn thể mỹ, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học.... Các Tổ chuyên môn chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng Kế hoạch dạy học môn học cho các khối lớp, đảm bảo thực hiện khung chương trình; phân phối chương trình cụ thể để đưa các nội dung dạy học lồng ghép, tích hợp theo chủ đề; thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, các chủ đề dạy học trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học,... các tổ thống nhất sắp xếp, điều chỉnh trình tự các bài dạy hoặc chủ đề học tập cho phù hợp; tùy vào năng lực, mức tiếp thu của từng đối tượng học sinh .

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục chưa được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Nhà trường không tổ chức các hoạt động dạy thêm, học thêm trong trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc kế hoạch và chương trình dạy học theo quy định. Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được tiến hành đánh giá, điều chỉnh thường xuyên nhằm phù hợp với các điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục chưa được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2026-2027 với sự góp ý của các tổ chức và tổ chuyên môn trong nhà trường, nhằm phát huy tính sáng tạo trong tập thể, từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục có thể mang lại hiệu quả tốt nhất; cải tiến các biện pháp chỉ đạo kiểm tra, đánh giá một cách linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 2: Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế chi tiêu nội bộ liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong từng năm học thông qua các cuộc họp tổ chuyên môn, họp liên tịch mở rộng, họp hội đồng sư phạm nhà trường và hội nghị cán bộ công chức, viên chức, ...;

b) Khi có các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường thì luôn được giải quyết kịp thời đầy đủ, đúng pháp luật; cán bộ quản lý định kỳ họp với giáo viên chủ nhiệm các lớp vào sáng thứ hai mỗi tuần và các góp ý, kiến nghị của giáo viên chủ nhiệm như những bất cập trong thời khóa biểu, kiến nghị về công tác theo dõi thi đua khen thưởng giữa các lớp... đều được cán bộ quản lý tiếp thu và điều chỉnh phù hợp với thực tế. Trường có phòng tiếp công dân, lịch tiếp công dân để cán bộ quản lý, bộ phận giám thị và giáo viên tiếp công dân, cha mẹ học sinh, học sinh để ghi nhận và xử lý kịp thời những kiến nghị, phản ánh của công dân, cha mẹ học sinh, học sinh tuy nhiên một số biểu mẫu trong quy trình tiếp công dân còn hạn chế ;

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và các báo cáo này được thể hiện trong nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

Mức 2:

Để việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo tính công khai, minh bạch và hiệu quả, Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch theo dõi, giám sát các hoạt động trong nhà trường, trong đó có việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở .

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong các phiên họp.

3. Điểm yếu

Một số biểu mẫu trong quy trình tiếp công dân còn hạn chế

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 8 năm 2026, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận văn phòng rà soát, điều chỉnh các biểu mẫu trong quy trình tiếp công dân đúng quy định và phù hợp với thực tế tại đơn vị trước khi vào năm học mới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, hiệu trưởng ra quyết định thành lập ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, phương án... xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong nhà trường; nhà trường có văn bản phối hợp giữa nhà trường với cơ quan công an, quân sự, tự vệ Phường Bình Thạnh về phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, nhà trường đã ban hành quyết định thành lập Tổ tự kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm của trường để triển khai các hoạt động tự kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; để làm tốt công tác an ninh trật tự, nhà trường đã vận động cha mẹ học sinh và học sinh cùng ký cam kết thực hiện không sử dụng ma túy và an toàn giao thông [H1-1.10-05].

b) Nhà trường có lập ra hộp thư góp ý đặt tại tầng trệt của nhà trường, đồng thời cung cấp số điện thoại đường dây nóng dán ở bảng thông tin, trên website, phòng tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, của cha mẹ học sinh và học sinh để kịp thời xử lý và giải quyết các công việc thường ngày và những việc vừa mới phát sinh; nhà trường có bảo vệ trực ở cổng trước và cổng sau của trường giúp đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trong nhà trường.

c) Nhà trường thành lập Tổ tư vấn tâm lý hỗ trợ học sinh, có phòng tư vấn tâm lý cho học sinh và thông qua các buổi sinh hoạt chủ đề, giáo dục chuyên đề để tuyên truyền về bình đẳng giới, về pháp luật và phòng chống bạo lực học đường, chăm sóc sức khỏe. Trong 05 năm qua, chưa ghi nhận hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường;.

Mức 2:

a) Nhà trường có phổ biến, hướng dẫn rộng rãi cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án: đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng chống các tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực học đường; nhà trường đã thực hiện diễn tập an toàn phòng chống tai nạn, thương tích cho giáo viên; diễn tập phòng cháy chữa cháy cho giáo viên và học sinh toàn trường;.

Nhân viên y tế nhà trường phổ biến kịp thời đến học sinh các lớp cách phòng chống dịch bệnh theo chỉ đạo của Trung tâm Y tế phường Bình Thạnh.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin qua việc ghi nhận của bộ phận giám thị, phản ánh của giáo viên, học sinh, nhằm nắm bắt thông tin để ngăn chặn các sự việc, mâu thuẫn có thể dẫn đến bạo lực học đường hoặc gây rối an ninh trật tự và can thiệp kịp thời, hiệu quả. Tuy nhiên các mâu thuẫn liên quan đến học sinh của trường nhưng diễn ra bên ngoài khuôn viên trường thì việc nắm bắt thông tin và xử lý đôi lúc còn chậm trễ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Các mâu thuẫn liên quan đến học sinh của trường nhưng diễn ra bên ngoài khuôn viên trường thì việc nắm bắt thông tin và xử lý đôi lúc còn chậm trễ

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu năm học 2026-2027, Phó Hiệu trưởng phụ trách an ninh an toàn trường học và bộ phận giám thị phối hợp trực tiếp, tạo các kênh thông tin nhanh chóng với lực

lượng Công an phường Bình Thạnh, Đội dân quân tự vệ Phường Bình Thạnh, và Khu phố để kịp thời phản ánh, tiếp nhận, xử lý các thông tin liên quan đến học sinh của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh:

Hội đồng trường, tổ chức đảng, đoàn thể, và các hội đồng khác trong nhà trường xây dựng các kế hoạch hoạt động hiệu quả, bám sát vào kế hoạch giáo dục và các kế hoạch khác của nhà trường, góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục của nhà trường. Tổ chức công đoàn, đoàn trường và chi đoàn giáo viên đạt nhiều thành tích trong các phong trào. Nhà trường đã ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý và được đảm bảo các quyền lợi chính đáng. Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được tiến hành đánh giá, điều chỉnh thường xuyên nhằm phù hợp với các điều kiện thực tế. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong các phiên họp.

Điểm yếu:

Công tác lưu trữ và giải quyết các thủ tục hành chính của tổ văn phòng chưa thực sự hiệu quả. Có 28 lớp sĩ số trên 40 học sinh/ lớp. Nhân viên, giáo viên được phân công làm trong ban phụ trách về an ninh trật tự, an toàn trường học là kiêm nhiệm nên còn thiếu kinh nghiệm, nên việc nắm bắt thông tin về các vụ việc học sinh mâu thuẫn, mất đoàn kết, đánh nhau, còn chậm trễ

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt theo yêu cầu:

Mức 1

- Tổng số tiêu chí: 10
- Tổng số tiêu chí đạt: 10.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 2

- Tổng số tiêu chí: 9
- Tổng số tiêu chí đạt: 7.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 2.

Mức 3

- Tổng số tiêu chí: 4
- Tổng số tiêu chí đạt: 2.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 2.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có trình độ đào tạo đạt chuẩn quy định, đảm bảo công tác quản lý, giảng dạy, phục vụ giảng dạy cho học sinh. Đội ngũ nhân viên đã qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Học sinh của trường đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ nhau trong công việc, tạo động lực cho hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh và phát triển.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm

Mức 3: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đạt tiêu chuẩn của hiệu trưởng trường trung học quy định tại Thông tư 32/2022/TT-BGDĐT; hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng cử nhân hoặc thạc sĩ theo chuyên ngành giảng dạy, có thời gian công tác trong ngành giáo dục từ 5 năm trở lên. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có trình độ lý luận trung cấp. H2-2.1-01×.

| | | | | | |
|--|--------|--------|----------|----------|----------------|
| | Số năm | Số năm | Trình độ | Trình độ | Trình độ chính |
|--|--------|--------|----------|----------|----------------|

| | | | | | |
|-------------------|----------|---------|------------|-----------|-----------|
| | công tác | quản lý | chuyên môn | quản lý | trị |
| Hiệu trưởng | 23 | 09 | Thạc sĩ | Chứng chỉ | Trung cấp |
| Phó Hiệu trưởng 1 | 25 | 07 | Thạc sĩ | Chứng chỉ | Trung cấp |
| Phó Hiệu trưởng 2 | 16 | 03 | Thạc sĩ | Chứng chỉ | Trung cấp |

b) Từ năm học 2021 - 2022, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo H2-2.1-02×.

| | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022 -2023 | Năm học 2023 -2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 |
|-------------------|-------------------|--------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Hiệu trưởng | Tốt | Tốt | Tốt | Chưa đánh giá | Chưa đánh giá |
| Phó hiệu trưởng 1 | Tốt | Tốt | Tốt | Chưa đánh giá | Chưa đánh giá |
| Phó hiệu trưởng 2 | | | Tốt | Chưa đánh giá | Chưa đánh giá |

c) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có chứng chỉ hoàn thành lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục theo quy định; hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tham gia và hoàn thành các bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định như: bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ trong hè như đã hoàn thành khóa học “Bồi dưỡng nghiệp vụ tự đánh giá, đánh giá ngoài”, "Bồi dưỡng công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực và kỹ năng thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục", "Bồi dưỡng văn hóa công vụ",... H2-2.1-01× tuy nhiên hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng còn hạn chế trong việc tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu trong chuyên môn, nghiệp vụ quản lý.

Mức 2:

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá, xếp loại tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng và tham gia, hoàn thành các bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng còn hạn chế trong việc tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu trong chuyên môn, nghiệp vụ quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong hè năm 2026 và trong năm học 2026 - 2027, Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tăng cường tham gia các khóa học, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục
- b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn
- b) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số người làm việc trong các

cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập và các quy định khác H2-2.2-01×.

Bảng số liệu về giáo viên trên số lớp:

| | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 |
|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Tỷ lệ giáo viên/ lớp | 72/36 =2,00 | 72/34 =2,12 | 72/39 =1,85 | 83/44 =1,89 | 89/43 =2,07 |
| Tổng số giáo viên | 72 | 72 | 72 | 83 | 89 |

Giáo viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn đào tạo, thực hiện đúng quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông H1-1.7-02×.

| Số giáo viên | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tổ Toán | 11 | 11 | 11 | 13 | |
| Tổ Lý – Công nghệ | 11 | 10 | 10 | 10 | |
| Tổ Hóa | 08 | 07 | 06 | 08 | |
| Tổ Văn | 10 | 09 | 09 | 11 | |
| Tổ Ngoại ngữ | 09 | 09 | 09 | 09 | |
| Tổ Sinh | 03 | 03 | 03 | 04 | |
| Tổ Sử - Giáo dục KTPL | 05 | 05 | 06 | 09 | |

| | | | | | |
|-----------------------------------|----|----|----|----|--|
| Tổ Địa | 03 | 05 | 05 | 04 | |
| Tổ Giáo dục thể chất | 07 | 06 | 07 | 06 | |
| Tổ Tin học – Âm nhạc | 05 | 05 | 05 | 06 | |
| Tổ Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | 04 | |

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định và 28,9% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định H2-2.2-01×;H2-2.2-02×.

| | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Năm học 2024-2025 | Năm học 2025-2026 |
|--------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Trên đại học | (21/72) 29,16% | (21/72) 29,16% | (21/72) 29,16% | (24/83) 28,9% | |
| Đại học | 100% | 100% | 100% | 100% | |
| Cao đẳng | 00 | 00 | 00 | 00 | |
| Trung cấp | 00 | 00 | 00 | 00 | |

c) Từ năm học 2021 – 2022 đến thời điểm tự đánh giá, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông H2-2.2-02×.

| Năm học | Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên | | | |
|----------------|---|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------------|
| | Tốt: ../.. (Tỷ lệ: ...%) | Khá: ../.. (Tỷ lệ: ...%) | Đạt: ../.. (Tỷ lệ: ...%) | Chưa Đạt: ../.. (Tỷ lệ: ...%) |
| 2021-2022 | 68/72 | 4/72 | 0 | 0 |

| | | | | |
|-----------|-------|------|---|---|
| | 94,44 | 5,56 | 0 | 0 |
| 2022-2023 | 72/72 | 0 | 0 | 0 |
| | 100 | 0 | 0 | 0 |
| 2023-2024 | 72/72 | 0 | 0 | 0 |
| | 100 | 0 | 0 | 0 |
| 2024-2025 | | | | |
| 2025-2026 | | | | |

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Cụ thể, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên: năm học 2021-2022 có 72/72 giáo viên (100%); năm học 2022-2023 có 72/72 giáo viên (100%); năm học 2023-2024 có 72/72 giáo viên (100%); năm học 2024-2025 có 83/83 giáo viên (100%); năm học 2025-2026 có 89/89 giáo viên (100%) H2-2.2-02×.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 100% đội ngũ giáo viên đạt chuẩn chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, số lượng giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo ngày càng tăng và 100% đội ngũ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

3. Điểm yếu

Chưa có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ cuối năm học 2025-2026, Hiệu trưởng lập kế hoạch thực hiện phong trào nghiên cứu khoa học cho giáo viên cấp trường và các cấp cao hơn. Đồng thời đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ về chế độ đãi ngộ hợp lý để khuyến khích giáo viên đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công
- Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

Mức 2:

- Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số nhân viên để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công: kế toán, thủ quỹ, văn thư, nhân viên thư viện, nhân viên y tế trường học, nhân viên thiết bị thí nghiệm, nhân viên công nghệ thông tin. Thiếu nhân viên giáo vụ, nhân viên tư vấn học sinh, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, nên hiện nay phân công nhân viên thủ quỹ kiêm nhiệm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, nhân viên hợp đồng thực hiện tư vấn học sinh và giáo vụ .

b) Đầu năm học, hiệu trưởng ban hành quyết định phân công nhiệm vụ viên chức, người lao động trong đó nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người dựa trên biên bản họp tổ đầu năm học của tổ văn phòng;.

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao;.

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định về chế độ chính sách đối với nhân viên, đúng như các điều khoản trong hợp đồng lao động đối với nhân viên hợp đồng bảo vệ, phục vụ; nhân viên được đảm bảo các quyền lợi theo chế độ chính sách hiện hành như: lương, phụ cấp (nếu có), công tác phí và các chế độ khen thưởng khi hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;.

Mức 2:

a) Tính tới thời điểm tự đánh giá, trường có số lượng nhân viên phù hợp với thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập như sau: có 01 nhân viên thư viện, 01 nhân viên thiết bị, 01 nhân viên công nghệ thông tin, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, và 16 lao động hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ vệ sinh, bảo vệ, giám thị; tuy nhiên trường còn thiếu vị trí nhân viên hỗ trợ học sinh khuyết tật, hòa nhập .

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính kế toán, nhân viên văn thư tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành văn thư lưu trữ, nhân viên y tế có bằng trung cấp chuyên ngành y sỹ đa khoa; nhân viên thủ quỹ chưa có bằng cấp, chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ thủ quỹ, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ được giao .

b) Hằng năm, theo văn bản triệu tập của cấp trên nhân viên kế toán, nhân viên văn thư, nhân viên y tế, nhân viên thư viện, nhân viên kiêm nhiệm giáo vụ, nhân viên thiết bị thí nghiệm được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; tuy nhiên với các nhân viên hợp đồng như: bảo vệ, lao công...thì chưa được tập huấn đầy đủ, thường xuyên .

2. Điểm mạnh

Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người.

3. Điểm yếu

Thiếu nhân viên giáo vụ, nhân viên tư vấn học sinh, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, nên hiện nay phân công nhân viên thủ quỹ kiêm nhiệm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, nhân viên hợp đồng thực hiện tư vấn học sinh và giáo vụ

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cuối năm học 2025-2026, hiệu trưởng thực hiện đề xuất nhân sự gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để được tuyển bổ sung các vị trí nhân viên còn thiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định

Mức 2: Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực

Mức 3: Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường tuyển sinh học sinh vào lớp 10 đúng độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (15 tuổi);

b) Nhà trường xây dựng và ban hành Nội quy học sinh bao gồm việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định như: thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo kế hoạch giáo dục của

nhà trường, kính trọng cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, giữ gìn tài sản của nhà trường.....

c) Học sinh đang theo học tại trường được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác do luật pháp quy định như: được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu, thể thao, nghệ thuật, được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định, được quyền chuyển trường....;

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm theo pháp luật quy định và theo quy định Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được phát hiện kịp thời qua sự giám sát của bộ phận giám thị, giáo viên bộ môn trực tiếp đứng lớp, và giáo viên chủ nhiệm; được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp tùy theo từng mức độ vi phạm, có sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, và thực hiện theo quy trình xử lý kỷ luật học sinh nếu cần thiết; vì thế học sinh được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp đều có chuyển biến tích cực (tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm yếu, kém, chưa đạt thấp).

Mức 3:

Học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào được nhà trường lập danh sách khen thưởng như cán bộ đoàn, cán bộ lớp tích cực trong phong trào, khen thưởng những học sinh có kết quả học lực từ loại giỏi vào cuối năm học để khuyến khích động viên các em tiếp tục phát huy, đồng thời tạo động lực cho những học sinh khác nỗ lực phấn đấu, tuy nhiên việc tuyên truyền, vinh danh những học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào còn hạn chế nên ảnh hưởng tích cực từ những học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào chưa thực sự lan rộng đến các hoạt động của trường, lớp.

2. Điểm mạnh

Học sinh đang học tại trường được đảm bảo các quyền theo quy định và được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp khi thực hiện những hành vi không được làm theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc tuyên truyền, vinh danh những học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào còn hạn chế

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2026-2027, ban thi đua khen thưởng và trợ lý thanh niên của trường thực hiện các biện pháp tuyên truyền, vinh danh những học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào kịp thời, bằng nhiều hình thức phù hợp với thị hiếu của học sinh nhằm lan tỏa đến đại đa số học sinh được biết.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh:

Nhà trường có hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn và được sự tín nhiệm của giáo viên, nhân viên trong nhà trường Nhà trường có số lượng giáo viên 100% đạt chuẩn và số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn trình độ đào tạo ngày càng tăng. Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người. Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp tùy theo từng mức độ vi phạm, có sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh nên có chuyển biến tích cực.

Điểm yếu:

Chưa có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học. Chưa có nhân viên hỗ trợ người khuyết tật học hòa nhập, tư vấn tâm lý, giáo vụ. Ảnh hưởng tích cực từ những học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào chưa thực sự lan rộng đến các hoạt động của trường, lớp.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt theo yêu cầu:

Mức 1

- Tổng số tiêu chí: 4
- Tổng số tiêu chí đạt: 4.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 2

- Tổng số tiêu chí: 4
- Tổng số tiêu chí đạt: 4.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 3

- Tổng số tiêu chí: 4
- Tổng số tiêu chí đạt: 2.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 2.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THPT Thanh Đa có khuôn viên riêng biệt, tường rào xây kiên cố bao quanh, có cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp theo Điều lệ trường trung học.

Nhà trường có khối phòng học được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 02 buổi/ngày.

Các phòng chức năng, phòng thực hành, phòng vi tính luôn được quản lý chặt chẽ. Đảm bảo các tiết thực hành thí nghiệm theo quy định.

Nhà trường có sân chơi cũng là bãi tập, khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước đúng theo quy định, bố trí hợp lý.

Hàng năm thư viện nhà trường đều được trang bị sách, báo, tạp chí, tranh ảnh giáo dục... đảm bảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, dạy học của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Vị trí đặt trường, điểm trường
- b) Quy mô
- c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình

1. Mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a. Vị trí đặt trường Phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương. Môi trường xung quanh thuận tiện di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Bảo đảm an toàn đối với học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên. Bố trí không quá 02 điểm trường.

b. Quy mô 44 lớp.

c. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường là 7,888 m², đạt bình quân 4,35 m²/học sinh. Bình quân tối thiểu của trường THPT Thanh Đa là 6 m² cho một học sinh.

| STT | Các hạng mục công trình | Tiêu chuẩn tối thiểu | Tiêu chuẩn mức độ 1 | Tiêu chuẩn mức độ 2 | Chú thích |
|----------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--|
| 1 | Khối phòng học tập | | | | |
| 1.1 | Phòng học | 1,50m ² /học sinh | 1,50m ² /học sinh | 1,50m ² /học sinh | Tổng diện tích không nhỏ hơn 45m ² /phòng Có 40 phòng học, trong đó 33 phòng diện tích 69m ² /phòng, 7 phòng diện tích 90m ² /phòng. |
| 1.2 | Phòng học bộ môn Âm nhạc | 2,25m ² /học sinh | 2,25m ² /học sinh | 2,25m ² /học sinh | Không có |
| 1.3 | Phòng học bộ môn Mỹ thuật | 2,25m ² /học sinh | 2,25m ² /học sinh | 2,25m ² /học sinh | Không có |
| 1.4 | Phòng học bộ môn Công nghệ | 2,25m ² /học sinh | 2,25m ² /học sinh | 2,25m ² /học sinh | Không có |
| 1.5 | Phòng học bộ môn KHTN nhiên | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | Không có |
| 1.6 | Phòng học bộ | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | Có 3 phòng, diện tích |

| | | | | | |
|------|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--|
| | môn Tin học | | | | 90m ² /phòng |
| 1.7 | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | Có 2 phòng, diện tích mỗi phòng 90m ² |
| 1.8 | Phòng đa chức năng | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | 1,85m ² /học sinh | Không có |
| 1.9 | Phòng học bộ môn KHXH | - | 1,50m ² /học sinh | 1,50m ² /học sinh | Không có |
| 1.10 | Phòng học bộ môn Vật Lý | | | | 1 phòng diện tích 120m ² |
| 1.11 | Phòng học bộ môn Hoá Học | | | | 1 phòng diện tích 120m ² |
| 1.12 | Phòng học bộ môn Sinh Học | | | | 1 phòng diện tích 120m ² |
| 2 | Khối phòng hỗ trợ học tập | | | | |

| | | | | | |
|-----|--|------------------------------|--|--|---|
| 2.1 | Thư viện | 0,60m ² /học sinh | <ul style="list-style-type: none"> - 0,60m²/học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m²/chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m²/chỗ; - kho sách kín <p>2,5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở 4,5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin;</p> <ul style="list-style-type: none"> - khu mượn trả và quản lý 6m²/người làm công tác thư viện | <ul style="list-style-type: none"> - 0,60m²/học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m²/chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m²/chỗ; - kho sách kín <p>2,5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở 4,5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin;</p> <ul style="list-style-type: none"> - khu mượn trả và quản lý 6m²/người làm công tác thư viện | <p>Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m²/thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường.</p> <p>1 phòng thư viện, diện tích 160m²</p> |
| 2.2 | Phòng thiết bị giáo dục | 48m ² /phòng | 48m ² /phòng | 48m ² /phòng | 3 phòng thiết bị, diện tích mỗi phòng 24m ² |
| 2.3 | Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập | 24m ² /phòng | 24m ² /phòng | 24m ² /phòng | Có 1 phòng diện tích 24m ² |
| 2.4 | Phòng Đoàn, Đội | 0,03m ² /học sinh | 0,03m ² /học sinh | 0,03m ² /học sinh | Có 1 phòng diện tích 24m ² |
| 2.5 | Phòng truyền thống | 48m ² /phòng | 48m ² /phòng | 48m ² /phòng | <p>Trường hợp kết hợp với Phòng Đoàn, Đội, diện tích tối thiểu 54m²</p> <p>Có 1 phòng diện</p> |

| | | | | | |
|----------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|---|
| | | | | | tích 30m ² |
| 3 | Khối phụ trợ | | | | |
| 3.1 | Phòng họp | 1,20m ² /người | 1,20m ² /người | 1,20m ² /người | Có 2 phòng diện tích mỗi phòng 30m ² |
| 3.2 | Phòng các tổ chuyên môn | 30m ² /phòng | 30m ² /phòng | 30m ² /phòng | Không có |
| 3.3 | Phòng y tế trường học | 24m ² /phòng | 24m ² /phòng | 24m ² /phòng | Có 1 phòng diện tích 32m ² |
| 3.4 | Nhà kho | 48m ² /kho | 48m ² /kho | 48m ² /kho | Có 4 phòng diện tích 24m ² |
| 3.5 | Khu để xe học sinh | 0,90m ² /xe đạp; | 0,90m ² /xe đạp; | 0,90m ² /xe đạp; | Số lượng xe được tính từ 50% đến 70% tổng số học sinh toàn trường Có 1 khu diện tích 650m ² |
| 3.6 | Khu vệ sinh học sinh | 0,06m ² /học sinh | 0,06m ² /học sinh | 0,06m ² /học sinh | |
| 3.7 | Phòng nghỉ giáo viên | | | 12m ² /phòng | Có 2 phòng, diện tích mỗi phòng 30m ² |
| 3.8 | Phòng giáo viên | | | 4m ² /giáo viên | Có 1 phòng diện tích 130m ² |
| 4 | Khu sân chơi, TDTT | | | | |
| 4.1 | Sân trường | 1,50m ² /học sinh | 1,50m ² /học sinh | 1,50m ² /học sinh | diện tích sân 1925m ² |

| | | | | | |
|----------|-------------------------------|--|--|--|---|
| 4.2 | Sân thể dục thể thao | 0,35m ² /học sinh | 0,35m ² /học sinh | 0,35m ² /học sinh | Tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350m ² Tổng diện tích sân 1925m ² |
| 4.3 | Nhà đa năng | - | - | 450m ² /nhà | 1 nhà đa năng diện tích sân 348m ² |
| 5 | Khối phục vụ sinh hoạt | | | | |
| 5.1 | Nhà bếp | 0,30m ² /học sinh | 0,30m ² /học sinh | 0,30m ² /học sinh | 1 phòng ăn 40m ² |
| 5.2 | Kho bếp | 10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực | 10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực | 10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực | Chung với nhà bếp |
| 5.3 | Nhà ăn | 0,75m ² /chỗ | 0,75m ² /chỗ | 0,75m ² /chỗ | Số chỗ được tính với 35% tổng số học sinh, giáo viên, nhân viên toàn trường Không có |
| 5.4 | Nhà ở nội trú | 4m ² /chỗ | 4m ² /chỗ | 4m ² /chỗ | Không có |
| 5.5 | Phòng quản lý học sinh | 9m ² /phòng | 9m ² /phòng | 9m ² /phòng | 1 phòng 16m ² |
| 5.6 | Phòng sinh hoạt chung | 0,20m ² /học sinh | 0,20m ² /học sinh | 0,20m ² /học sinh | Tổng diện tích không nhỏ hơn 36m ² /phòng Không có |
| 5.7 | Nhà văn hóa | - | 0,40m ² /học sinh | 0,40m ² /học sinh | Không có |

2. Điểm mạnh

Trường có địa điểm thuận lợi cho học sinh đến trường.

3. Điểm yếu

Trường THPT Thanh Đa chưa đạt chuẩn do diện tích thiếu, không có đủ không gian để bố trí các phòng như: phòng các tổ chuyên môn, phòng sinh hoạt chung và nhà văn hóa cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026, Hiệu trưởng và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ thực hiện sửa chữa, nâng cấp các phòng phục vụ cho học sinh. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất xây dựng và triển khai kế hoạch sửa chữa, cải tạo, sắp xếp cơ sở vật chất, phòng học cho năm học 2026-2027.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị
- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập
- c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt

Mức 2:

- a) Khối phòng hành chính quản trị
- b) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập
- c) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt

Mức 3:

- a) Khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập
- b) Khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao

1. Mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

Phòng Phó Hiệu trưởng: có 2 phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

Văn phòng: có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

Phòng bảo vệ: đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi.

Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: có 3 khu nhà vệ sinh giáo viên theo từng tầng lầu, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, đầy đủ các thiết bị phục vụ. Số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Khu vệ sinh riêng biệt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường.

Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

b. Phòng học: bảo đảm 0,8 phòng/lớp, được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; hệ thống quạt; lớp học 100% có trang bị thêm hệ thống điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế.

Phòng học bộ môn: có 05 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Có một số phòng học bộ môn ghép nhưng bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Phòng thiết bị giáo dục: có 03 phòng, có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: có 01 phòng, bố trí ở tầng 1.

Phòng truyền thống: có 01 phòng, trang bị các tủ chứa các hồ sơ truyền thống của trường.

Phòng Đoàn: có 01 phòng, trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in.

c. Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường: có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành: có tượng Bác, hệ thống âm thanh, trang bị hệ thống máy vi tính đầy đủ.

Phòng các tổ chuyên môn: có 02 phòng sử dụng chung cho các tổ chuyên môn, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

Phòng Y tế trường học: có 01 phòng, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

Nhà kho: có 04 nhà kho, nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường.

Khu để xe học sinh: có mái che.

Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các tầng lầu. Phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng. Số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh, có vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí. Đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Nhà vệ sinh đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;

Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điếm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ tường xây, bảo đảm vững chắc, an toàn, cổng trường, điếm trường kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường. Khu vực sân trồng trái bằng phẳng, có cây xanh bóng mát. Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

Mức 2:

a. Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng

b. Phòng học bộ môn: có 05 phòng học bộ môn (thiếu so với quy định 02 phòng). Căn cứ điều kiện thực tế, trường ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học. Khô phòng hỗ trợ học tập, Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

c. Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng, mỗi dãy phòng học.

Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao: khu vực tập thể dục thể thao có mái che.

Mức 3:

a. Phòng học bộ môn: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 08 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

Khô phòng hỗ trợ học tập: Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 3 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Phòng truyền thống và Phòng Đoàn bố trí riêng biệt.

b. Phòng các tổ chuyên môn: không có phòng của các tổ chuyên môn;

Phòng nghỉ giáo viên: có 02 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập.

Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành như: máy vi tính, wifi, máy chiếu...

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn.

Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

2. Điểm mạnh

Các hạng mục công trình đa số đều đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Không có phòng của các tổ chuyên môn

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2026 thực hiện chống thấm khu A, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải

b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố

c) Thiết bị dạy học

Mức 2: Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mức 3: Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường;

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm. Tuy nhiên, khu gom và tập kết rác thải chưa được che chắn.

b. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 40%, 60%.

c. Được trang bị thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mức 2:

Tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%, 80%, 70%

Diện tích xây dựng công trình: không quá 45%.

Diện tích sân vườn: cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao không dưới 30%.

Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 25%.

Mức 3:

Phòng học bộ môn: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 08 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

Khối phòng hỗ trợ học tập

Phòng truyền thống và Phòng Đoàn, Đội bố trí riêng biệt.

Khối phụ trợ: Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn. Phòng nghỉ giáo viên: có tối thiểu 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng. Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

Khu sân chơi, thể dục thể thao: Bố trí các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn.

Nhà đa năng: đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động chung của trường.

Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên.

2. Điểm mạnh

Tất cả các hạng mục công trình được xây dựng kiên cố và cấp công trình xây dựng từ cấp IV trở lên.

3. Điểm yếu

Khu gom và tập kết rác thải chưa được che chắn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 6 năm 2026 Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng khu vực tập kết rác (được lợp mái, có tường quay, có hệ thống thoát nước riêng biệt)

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh:

Cơ sở vật chất, môi trường sư phạm được nhà trường thường xuyên quan tâm chăm sóc, tu bổ, đảm bảo xanh, sạch, đẹp. Trang thiết bị được quan tâm đầu tư thường xuyên. Khu vực phòng ăn, phòng nghỉ giáo viên có đầy đủ trang thiết bị.

Điểm yếu:

Bàn ghế, thiết bị vệ sinh nhanh hư hỏng nên cần chú trọng thường xuyên công tác giáo dục ý thức của học sinh trong việc bảo quản tài sản chung của trường, lớp. Giáo viên chưa đầu tư nhiều trong việc tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho giảng dạy. Thư viện đặt trên tầng 3 nên chưa thuận tiện cho việc di chuyển và tổ chức các hoạt động của học sinh.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt theo yêu cầu:

Mức 1

- Tổng số tiêu chí: 3
- Tổng số tiêu chí đạt: 3.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0.

Mức 2

- Tổng số tiêu chí: 2
- Tổng số tiêu chí đạt: 1.
- Tổng số tiêu chí không đạt: 1.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Hàng năm, nhà trường luôn làm tốt mối quan hệ giữa ba môi trường: nhà trường, gia đình và xã hội. Mối quan hệ này luôn được củng cố và tăng cường nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện học sinh. Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm, hoạt động theo đúng quy định. Nhà trường đã phối hợp có hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Trong năm học, nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tốt theo kế hoạch và nghị quyết đã đề ra từ đầu năm học.

Định kỳ mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh ít nhất 03 lần và họp Ban đại diện cha mẹ học sinh ít nhất 03 lần để lắng nghe những ý kiến, đóng góp của cha mẹ học sinh về hoạt động của nhà trường cũng như bàn bạc, thảo luận các vấn đề có liên quan nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ

Mức 2: Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp

Mức 3: Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường được thành lập, và hoạt động theo Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp được thành lập trong buổi họp cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01]. Hội nghị đại biểu cha mẹ học sinh toàn trường bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh trường có thành viên là trưởng ban hoặc phó trưởng ban của ban đại diện cha mẹ học sinh lớp; số lượng các phó trưởng ban và các thành viên thường trực của ban đại diện cha mẹ học sinh trường do cuộc họp các trưởng ban và phó trưởng ban của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp quyết định [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]. Nhiệm kỳ của ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và ban đại diện cha mẹ học sinh trường là một năm học; các Ban đại diện cha mẹ học sinh hết nhiệm kỳ khi bắt đầu năm học tiếp theo, riêng ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp cuối cấp học sẽ hết nhiệm kỳ khi kết thúc năm học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường sau khi được thành lập đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong năm dựa trên căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, nhu cầu học tập của học sinh và mong muốn của cha mẹ học sinh [H4-4.1-04]. Các kế hoạch, nếu có điều chỉnh, đều được ban đại diện thống nhất và triển khai đến cha mẹ học sinh. Nhà trường tạo điều kiện để ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng kế hoạch [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hoạt động đúng kế hoạch đã đề ra từ đầu năm. Nhà trường phối hợp và tạo điều kiện cho ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra [H4-4.1-05]. Vào cuối mỗi học kì, ban đại diện cha mẹ học sinh họp, báo cáo và đánh giá các hoạt động đã thực hiện đồng thời đưa ra phương hướng thực hiện trong thời gian tiếp theo [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05]. Ban đại diện cha mẹ học sinh góp ý cho nhà trường các kế hoạch chiến lược, các kế hoạch giáo dục, kế hoạch và công tác phối hợp,...; góp ý cho hiệu trưởng công tác quản lý, công tác giảng dạy của nhà trường, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh, giúp lãnh đạo nhà trường giải quyết những kiến nghị của cha mẹ học sinh và đóng góp, hỗ trợ tích cực cho nhà trường về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học [H1-1.9-01]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H4-4.1-05].

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh lớp và các hình thức thông tin liên lạc để giải thích, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H1-1.10-05]; [H4-4.1-01], cùng nhà trường tham gia vào hội đồng trường, thống nhất các chủ trương, các biện pháp giáo dục học sinh và hỗ trợ các hoạt động giáo dục theo kế hoạch [H1-1.10-08]. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường tham gia vào các hội đồng kỷ luật học sinh, trực tiếp tham gia báo cáo chuyên đề, kỹ năng sống cho học sinh của trường.

Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng với các hoạt động khen thưởng, tuyên dương, hỗ trợ học sinh khó khăn,.....cùng với các công tác tuyên truyền, vận động đã giúp giảm bớt tỷ lệ học sinh nghỉ học, lưu ban; hướng dẫn, định hướng cho học sinh và cha mẹ học sinh kịp thời khi học sinh nghỉ học, bỏ học [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05]. Các biểu mẫu, thủ tục về nghỉ học, bảo lưu, học lại, chuyển trường, thủ tục và hồ sơ liên quan được nhà trường công khai trên website và có nhân viên hướng dẫn cụ thể [H1-1.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp rất nhiệt tình, hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh thông qua kế hoạch hoạt động hàng năm [H4-4.1-04].

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục của nhà trường thông qua các hoạt động xã hội hóa giáo dục, vận động các nhà hảo tâm hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất như việc trang bị máy chiếu phục vụ giảng dạy và học tập của học sinh đảm bảo tất cả các phòng học đều có máy chiếu, màn hình LED sân khấu để phục vụ các hoạt động tập thể, đồng khởi và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong nhà trường; vận động làm mái che sân trường, lắp được tổng cộng 26 camera tại bãi xe, hành lang, trước cổng trường, máy đo thân nhiệt tự động phục công tác phòng chống dịch Covid-19; làm mái che toàn bộ sân trường [H4-4.1-06]; làm hệ thống âm thanh 37 phòng học [H4-4.1-07]; các hoạt động khen thưởng cho học sinh trong các phong trào thi đua, các hoạt động phối hợp, về nguồn [H4-4.1-05]. Công tác vận động tài trợ được ban đại diện cha mẹ học sinh thảo luận cụ thể với nhà trường và căn cứ tình hình thực tiễn của trường để thống nhất kế hoạch vận động tài trợ đúng quy định [H4-4.1-06]. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền về vận động tài trợ ở một số lớp chưa thật sự hiệu quả, có những nội dung trong kế hoạch vận động chưa thực hiện được do có từ 10% đến 15% thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp bận nhiều công việc, không có thời gian tham gia họp đầy đủ nên việc nắm tình hình và tuyên truyền, triển khai kế hoạch hoạt động đến cha mẹ học sinh trong lớp chưa hiệu quả [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05].

Ngoài ra, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn có sự tư vấn, góp ý chân thành cho nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường, nhằm xây dựng môi trường học tập và giáo dục an toàn, thân thiện cho học sinh [H1-1.1-03]; [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được sự ủng hộ và phối hợp rất nhiệt tình, tích cực và có hiệu quả của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và cha mẹ học sinh các lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh có những ý kiến đóng góp với nhà trường rất chân thành, tạo thuận lợi cho hoạt động giảng dạy và giáo dục của nhà trường và phối hợp tốt trong công tác giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Còn từ 10% đến 15% Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp bận nhiều công việc riêng nên chưa nắm đầy đủ tình hình và triển khai một số hoạt động của Ban đại diện cha mẹ

học sinh đến cha mẹ học sinh của lớp chưa hiệu quả. Do đó các kế hoạch vận động tài trợ chưa đạt được theo kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng tổng hợp các thông tin về cha mẹ học sinh và hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm làm tốt công tác chọn nhân sự để bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, ưu tiên cha mẹ học sinh có tâm huyết, có kinh nghiệm và có thời gian để Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp tham gia họp đầy đủ, nắm thông tin hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm và nhà trường hoàn thành mục tiêu giáo dục.

Cuối năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường nhiệm kỳ 2023-2024 xây dựng kế hoạch vận động tài trợ thật chi tiết, cụ thể với những mục tiêu cấp thiết và định kỳ tổng kết tiến trình thực hiện kế hoạch, đồng thời cũng có phương án dự phòng để hoàn thành được kế hoạch đề ra.

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng đã hoàn thành vận động thực hiện màn hình led và mái che toàn sân trường.

Năm học 2025-2026, hiệu trưởng đã hoàn thành vận động tài trợ hệ thống âm thanh 37 phòng học, có phương án cho việc vận động hệ thống âm thanh phòng học còn lại.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường
- b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường
- c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định

Mức 2:

- a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển
- b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương

Mức 3: Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền quận Bình Thạnh và địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục.

Công tác phối hợp được thể hiện qua các văn bản ký kết phối hợp công tác an ninh trật tự trước cổng trường gửi đến Ủy ban nhân dân Phường 26 – quận Bình Thạnh, phối hợp với công an Quận Bình Thạnh để báo cáo tuyên truyền về công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông,... [H1-1.10-02]; phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh về công tác phổ cập giáo dục, tuyển sinh 10 tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn [H2-2.4-01]; [H4-4.2-01]; phối hợp với Trạm y tế Phường 26 về phòng chống dịch bệnh trong nhà trường, tiêm vaccine [H1-1.10-04]; [H4-4.2-02]; phối hợp với Bệnh viện quận Bình Thạnh, trung tâm y tế dự phòng Quận Phú Nhuận để khám sức khỏe cho học sinh, phối hợp với Bệnh viện quận Bình Thạnh và Bệnh viện Nhân dân Gia Định để khám sức khỏe cho giáo viên tùy theo kế hoạch từng năm [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

b) Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: các thông tin được dán ở bảng tin học sinh, cổng trường, văn phòng, đăng công khai trên web trường [H1-1.1-02]; thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh các lớp định kỳ vào đầu năm học, cuối học kì 1, cuối năm học, hồ sơ ghi chép tại phòng giám thị về phối hợp với cha mẹ học sinh [H1-1.10-08]; [H4-4.1-01]; thông qua các buổi chào cờ, sinh hoạt ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp tập thể, hoạt động hướng nghiệp để tuyên truyền đến học sinh và sau đó các em về tuyên truyền vận động gia đình cùng thực hiện các chủ trương chính sách, quy định của Đảng, Nhà nước [H1-1.10-07]; thông qua các hình ảnh hoạt động hoặc băng- rôn tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước, của thành phố [H4-4.2-04]; thông qua các buổi học tập chính trị hè, họp chi bộ, học tập Nghị quyết Trung ương Đảng, Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, qua các buổi họp hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn,... qua nhiều phương tiện truyền thông khác nhau [H1-1.1-04]; [H4-4.2-05].

c) Nhà trường luôn chủ động, huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp từ cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân trong các hoạt động khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các hoạt động đoàn thể, trang bị thêm phương tiện thiết bị dạy học,...[H3-3.5-01]; [H4-4.1-06]. Kế hoạch vận động tài trợ, kế hoạch tài chính của Ban đại diện cha mẹ học sinh và việc triển khai đến cha mẹ học sinh để huy động sự tài trợ đóng góp ủng hộ của cha mẹ học sinh học sinh, cựu học sinh và các mạnh thường quân cho các hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện đúng quy định [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]. Hàng năm, cựu học sinh của nhà trường và mạnh thường quân đều hỗ trợ những phần học bổng và phần quà cho những học sinh khó khăn, giúp cho những học sinh này được động viên cả về vật chất và tinh thần [H4-4.2-06].

Nhà trường đã vận động hiệu quả nhiều công trình từ các mạnh thường quân, các bậc cha mẹ học sinh, tăng cường xã hội hóa giáo dục như: ghế đá, máy chiếu phòng học của các lớp, trồng thêm nhiều cây xanh, bảng đèn LED sân khấu, mái che sân trường,... [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06].

Mức 2:

a) Tại các buổi họp với các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, nhà trường luôn chủ động tham mưu và đề xuất tạo điều kiện cho nhà trường về việc duy trì sĩ số, công tác phổ cập giáo dục, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn,... về mảng cơ sở vật chất, hỗ trợ an ninh an toàn xung quanh và trước cổng trường; các công tác phối hợp hoạt động trên địa bàn phường 26, phối hợp với cha mẹ học sinh, đoàn thanh niên,...thường xuyên đã từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.10-02]; [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể như Quận đoàn Bình Thạnh, Công an quận Bình Thạnh để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao như việc mời báo cáo viên giao lưu với học sinh và báo cáo các chủ đề về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, văn hóa ứng xử trên mạng internet, sinh hoạt chủ đề tôn sư trọng đạo, thi rung chuông vàng và tổ chức các hoạt động vào tiết chào cờ, sinh hoạt lớp, ngoài giờ lên lớp, các hoạt động đoàn trường nhân các ngày kỷ niệm, ngày truyền thống,... [H1-1.10-07]; [H4-4.2-07]. Hàng năm, Đoàn Thanh niên phối hợp với Quận đoàn tổ chức và tham gia các hoạt động thăm hỏi, hoạt động nghĩa tình, tặng quà cho mẹ Việt Nam anh hùng, tổ chức thăm Khu di tích lịch sử đền thờ Hai bà Trưng, Lăng Ông Bà Chiểu, nhà truyền thống quận Bình Thạnh, Trung tâm Văn hóa quận [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]. Tuy nhiên các hoạt động nghĩa tình đã khởi sắc theo từng năm, tuy nhiên chưa được thực hiện thường xuyên mà mới chỉ là các hoạt động theo kế hoạch của chi bộ, quận đoàn; các hoạt động của đoàn thanh niên trường về giáo dục cho học sinh chăm sóc các khu di tích lịch sử, cách mạng, chăm sóc gia đình thương binh liệt sĩ, có công với cách mạng ở địa phương chưa được thực hiện liên tục, chưa duy trì một địa chỉ cụ thể mà chỉ tham gia đầy đủ các hoạt động chung cùng với quận đoàn, hoạt động chưa thật sự chủ động và còn chưa thường xuyên [H1-1.10-07].

Mức 3:

Nhà trường đã tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; phối hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động giáo dục,... Tuy nhiên, công tác tham mưu và phối hợp chưa có hiệu quả trong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục nổi bật của địa phương [H1-1.10-07]; [H4-4.2-06]; [H4-4.2-08].

2. Điểm mạnh

Công tác tham mưu của nhà trường thu được nhiều kết quả tích cực; phối hợp có hiệu quả với các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện các hoạt động giáo dục.

Các hoạt động giáo dục của nhà trường được tổ chức đa dạng nên đã làm tốt công tác giáo dục truyền thống nhà trường, địa phương, giáo dục tình yêu quê hương đất nước.

3. Điểm yếu

Công tác chăm lo gia đình chính sách, chăm sóc các khu di tích và phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng chưa được thực hiện thường xuyên; chưa đạt hiệu quả cao trong xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa của khu vực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động phong trào tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động phải có những nội dung mới, hướng dẫn cụ thể, gợi ý các hoạt động và hình thức hoạt động đa dạng, phong phú đáp ứng yêu cầu đổi mới, có hiệu quả.

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khi xây dựng kế hoạch hoạt động cần tăng cường các hoạt động về đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nghĩa tình, có kế hoạch nhận chăm sóc một Bà mẹ Việt Nam anh hùng và thường xuyên thăm hỏi, chăm sóc, giúp đỡ.

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động phong trào thực hiện phối hợp hiệu quả với Ủy ban nhân dân Phường 26, Đoàn TNCS Phường 26 thực hiện các hoạt động nhằm từng bước xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa của khu vực.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh:

Nhà trường được sự ủng hộ và phối hợp rất nhiệt tình, tích cực và có hiệu quả của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và cha mẹ học sinh các lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh có những ý kiến đóng góp với nhà trường rất chân thành, tạo thuận lợi cho hoạt động giảng dạy và giáo dục của nhà trường và phối hợp tốt trong công tác giáo dục học sinh.

Công tác tham mưu của nhà trường thu được nhiều kết quả tích cực; phối hợp có hiệu quả với các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện các hoạt động giáo dục.

Các hoạt động giáo dục của nhà trường được tổ chức đa dạng nên đã làm tốt công tác giáo dục truyền thống nhà trường, địa phương, giáo dục tình yêu quê hương đất nước.

Điểm yếu:

Còn từ 10% đến 15% Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp bạn nhiều công việc riêng nên chưa nắm đầy đủ tình hình và triển khai một số hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh đến cha mẹ học sinh của lớp chưa hiệu quả. Do đó các kế hoạch vận động tài trợ chưa đạt được theo kế hoạch.

Công tác chăm lo gia đình chính sách, chăm sóc các khu di tích và phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng chưa được thực hiện thường xuyên nên chưa đạt hiệu quả cao trong xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa của khu vực.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt theo yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường Trung học phổ thông Thanh Đa thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giáo dục các năm học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bám sát các quy định và hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và của cấp trên liên quan.

Học sinh Trường Trung học phổ thông Thanh Đa có điểm chuẩn tuyển sinh đầu vào hàng năm đạt mức trung bình, điểm tuyển sinh thấp trong các trường cùng quận. Với mức điểm tuyển sinh đó, nhà trường luôn đặt chất lượng giảng dạy lên hàng đầu. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi được thực hiện tăng dần về số môn học.

Hoạt động phụ đạo học sinh yếu, kém (chưa đạt) được thực hiện thường xuyên ở tất cả các khối lớp. Hoạt động các câu lạc bộ học thuật và thể chất được tổ chức hàng năm ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Hoạt động giảng dạy, giáo dục học sinh luôn hướng đến mục tiêu giáo dục toàn diện và với mục tiêu của trường là học sinh đều tốt nghiệp trung học phổ thông và tỷ lệ đầu vào các trường đại học, cao đẳng ngày càng tăng. Nhằm đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trường Trung học phổ thông Thanh Đa luôn chú trọng tổ chức nhiều hoạt động học tập và trải nghiệm với hình thức phong phú. Các hoạt động này được thiết kế phù hợp với học sinh và mục tiêu môn học, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa lí thuyết và thực tiễn, giúp học sinh vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống.

Kết quả giáo dục phản ánh chất lượng của các hoạt động giáo dục. Tất cả học sinh đều được tạo điều kiện tối ưu để phát triển phẩm chất, năng lực. Học sinh giỏi được chú trọng bồi dưỡng, khuyến khích tham gia các cuộc thi như Học sinh giỏi cấp Thành phố, Olympic, Giải toán bằng máy tính, Hội thi Nghiên cứu khoa học kĩ thuật các cấp... Học sinh chưa theo kịp chương trình được thầy cô tận tâm phụ đạo, động viên, hỗ trợ lấy lại kiến thức, nhanh chóng theo kịp tiến độ chương trình.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là nội dung mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhưng đã được nhà trường chú trọng thực hiện từ nhiều năm qua. Các hoạt động này được tổ chức bài bản, khoa học, thu hút sự tham gia tích cực, sôi nổi của học sinh toàn trường.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững, kinh nghiệm, nhiệt tình. Giáo viên luôn có ý thức học hỏi và tự học, thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chủ đề năm học, các cuộc vận động và phong trào thi đua do ngành, địa phương phát động. Ban lãnh đạo trường có những buổi họp đánh giá, rút kinh nghiệm, đôn đốc việc thực hiện các kế hoạch và điều chỉnh kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhất là chỉ đạo kịp thời thông qua các buổi giao ban.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện kế hoạch giáo dục

Mức 1:

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường đầy đủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh

c) Tổ chức kiểm tra, rà soát đánh giá về điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường theo khung kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện

Mức 3: Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT về ban hành chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và đào tạo, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và đào tạo, Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT đã sửa đổi và bổ sung một số nội dung đối với môn học lịch sử, nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục (kể cả các hoạt động buổi 2) theo quy định [H1-1.5-03]; [H1-1.7-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Căn cứ vào kế hoạch năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định ban hành kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo hàng năm, tổ trưởng chuyên môn họp tổ xây dựng kế hoạch hoạt động và thống nhất kế hoạch giảng dạy được hiệu trưởng phê duyệt từ đầu năm [H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]. Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp theo năm học, học kỳ đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.10-07].

Kế hoạch giáo dục của trường luôn bám sát kế hoạch thời gian năm học và kế hoạch hoạt động và giảng dạy của từng bộ môn đã được duyệt. Tổ chuyên môn họp, rà soát việc thực hiện chương trình hàng kỳ và triển khai các kế hoạch chuyên môn [H1-1.4-05]. Nhà trường kiểm tra việc thực hiện chương trình thông qua báo cáo của tổ trưởng chuyên môn và thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.4-06]; [H5-5.1-01]. Qua việc kiểm tra đã rà soát, đánh giá được việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập; nhận xét những điểm được và chưa được để kịp thời bổ sung, dạy bù kịp thời [H1-1.4-06]; [H5-5.1-01].

Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp được xây dựng từ đầu năm học và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhà trường căn cứ vào các hướng dẫn, các quy định và tình hình thực tiễn của nhà trường; được thực hiện dưới nhiều hình thức: lồng ghép trong các

tiết học bộ môn, trong những tiết sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt chủ đề, chủ điểm, giáo dục kỹ năng sống; cử giáo viên phụ trách thực hiện trực tiếp trên từng lớp học theo thời khóa biểu, báo cáo chuyên đề trong tiết sinh hoạt dưới cờ, kết hợp với kế hoạch ngoại khóa của các tổ bộ môn [H1-1.10-07]; [H5-5.1-02].

b) Các tổ chuyên môn căn cứ kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn bao gồm cả các hoạt động dạy học buổi 2 đã được phê duyệt (và điều chỉnh nếu có) để chủ động thực hiện theo quy định. Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn cũng như giáo viên các bộ môn thường xuyên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, tích cực sử dụng đồ dùng dạy học, kho học liệu số, bài giảng điện tử; thực hiện sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học, chủ đề, chuyên đề, dạy học STEM, tiết học ngoài không gian lớp học tuy nhiên việc ghi chép chi tiết các nội dung này trong biên bản họp tổ chuyên môn chưa chi tiết và cụ thể ở một số tổ/nhóm chuyên môn [H1-1.4-05]. Yêu cầu bài học phải phù hợp với đối tượng học sinh, có nhiều liên hệ có thể vận dụng vào thực tiễn, hướng dẫn học sinh cách tự học bộ môn, tự nghiên cứu bài học [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được giáo viên sử dụng và kết hợp hợp lý trong tiết dạy [H5-5.1-03]. Các bộ môn sử dụng rất hiệu quả phương pháp làm việc nhóm, thuyết trình nhóm, thiết kế sản phẩm công nghệ, đồ dùng dạy học bằng những vật dụng sẵn có, không tốn kém mà vẫn tăng cường tính thực hành, thực tiễn, trải nghiệm [H5-5.1-03]. Việc đổi mới phương pháp và sử dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học tích cực được giáo viên vận dụng thường xuyên và hiệu quả; các tiết học trải nghiệm làm mô hình trong môn Công nghệ, tiết dạy thuyết trình môn Ngữ văn về các tác phẩm văn học trong chương trình, thực hành nhóm,... sinh động, hiệu quả, rèn luyện cho học sinh thói quen tư duy giải quyết vấn đề, vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-03].

c) Từ đầu năm, nhà trường yêu cầu các tổ chuyên môn khi xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn cần lưu ý trong kế hoạch thực hiện chương trình phải thể hiện các hình thức giáo viên bộ môn có thể sử dụng để kiểm tra đánh giá học sinh; yêu cầu tổ chuyên môn và giáo viên đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, linh động trong các giờ học, các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được thực hiện dưới dạng bài trắc nghiệm, tự luận, sản phẩm, thuyết trình, hoạt động nhóm, thực hành làm mô hình viết thu hoạch, đánh theo năng lực và cả quá trình học tập của học sinh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập của cá nhân, phù hợp với bộ môn và các hướng dẫn, quy định về kiểm tra, đánh giá [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H5-5.1-04].

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả; nội dung kiểm tra đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh theo quy định; hình thức kiểm tra cũng rất đa dạng, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, giữa trắc nghiệm và tự luận, giữa kiểm tra nhóm và viết thu hoạch, thuyết trình, sản phẩm, kết hợp kiểm tra online trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến của trường (K12online) ... [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Mức 2:

a) Hàng năm nhà trường chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn rà soát điều chỉnh và bổ sung kịp thời, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình bộ môn theo khối lớp và tổ chức thực hiện đúng kế hoạch thực hiện chương trình đã được phê duyệt; chỉ đạo các tổ chuyên môn chủ động lựa chọn, sắp xếp lại nội dung, thời lượng về chương trình cho phù hợp với đối tượng học sinh của trường; thực hiện rà soát việc thực hiện chương trình định

kỳ trong sinh hoạt chuyên môn, báo cáo thực hiện chương trình, cuối mỗi học kỳ [H1-1.4-04]. Việc lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh được thể hiện trong giáo án của giáo viên; thông qua các tiết dự giờ chuyên đề, chủ đề tổ chuyên môn; các sản phẩm và bài thuyết trình của học sinh trong các tiết học [H1-1.4-05]; [H5-5.1-03].

b) Đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, olympic, phụ đạo học sinh yếu, thành lập các câu lạc bộ [H1-1.8-01]; [H5-5.1-06]. Việc tuyển chọn những học sinh có năng khiếu các môn văn hóa gặp nhiều khó khăn do điểm tuyển sinh đầu vào thấp [H2-2.4-01]. Các câu lạc bộ được thành lập và hoạt động đúng quy định, tăng dần về số lượng các câu lạc bộ hằng năm và số học sinh tham gia [H5-5.1-07]. Công tác phụ đạo cho học sinh yếu, kém toàn trường được nhà trường tổ chức hàng năm vào mỗi học kỳ khi đã có kết quả học tập, rèn luyện định kỳ. Các tổ chuyên môn có phân công cụ thể giáo viên phụ trách và có kế hoạch phụ đạo theo tuần, thực hiện đúng kế hoạch [H5-5.1-06].

Mức 3:

Hằng năm, vào cuối năm học trước và đầu năm học mới, tổ chuyên môn và lãnh đạo trường đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.4-05]. Tuy nhiên, việc ghi chép biên bản sinh hoạt chuyên môn chưa được một số tổ chuyên môn thể hiện cụ thể, chi tiết trong hồ sơ tổ chuyên môn; công tác tuyển chọn học sinh có năng khiếu để bồi dưỡng chưa thực hiện tốt, chưa đạt hiệu quả do trường chưa tổ chức cuộc thi tuyển chọn học sinh vào các lớp bồi dưỡng bộ môn một cách khoa học, bài bản mà chỉ dựa trên giới thiệu và đề xuất của giáo viên bộ môn, của tổ chuyên môn lựa chọn (và lựa chọn trong quá trình học) để lập danh sách học sinh [H5-5.1-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục đầy đủ, đa dạng, đúng quy định. Thực hiện đa dạng các hình thức tổ chức dạy học, đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, thực hiện đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đảm bảo mục tiêu giáo dục. Các hoạt động giáo dục đa dạng, phong phú, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3. Điểm yếu

Việc ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên đề, chủ đề chưa được thể hiện chi tiết trong biên bản họp tổ của một số tổ chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, olympic cần có kế hoạch tuyển chọn xếp lớp đầu vào của học sinh học bồi dưỡng và các tiêu chí cụ thể về học lực năm trước, thành tích đã đạt của học sinh; cho học sinh đăng ký học bồi dưỡng theo link google form,

xây dựng các tiêu chí và rà soát năng lực bộ môn bằng bài test do tổ chuyên môn thực hiện hoặc thảo luận với giáo viên bộ môn của học sinh, bổ sung kịp thời.

Từ năm học 2025-2026, tiếp tục đưa nội dung kiểm tra hồ sơ chuyên đề, chủ đề, hồ sơ của tổ chuyên môn vào kế hoạch kiểm tra nội bộ, thông qua đó để hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cụ thể để hướng dẫn tổ trưởng chuyên môn thực hiện hồ sơ chuyên môn, hồ sơ chủ đề, chuyên đề đầy đủ, khoa học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

- a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện
- b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện
- c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 2: Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục

Mức 3: Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường đã lập kế hoạch và triển khai các kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, olympic, học sinh có năng khiếu thể dục thể thao; kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém đến các tổ bộ môn [H1-1.8-01]; [H5-5.1-06]. Trên cơ sở các kế hoạch của trường, các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch, nội dung, lập danh sách học sinh đúng đối tượng và cử giáo viên phụ trách phù hợp [H5-5.1-06].

Công tác giáo dục học sinh hòa nhập được triển khai đầy đủ từ đầu mỗi năm học. Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ giáo dục học sinh hòa nhập và chỉ đạo cụ thể trong đánh giá phù hợp với khả năng, năng lực, dạng khuyết tật của học sinh [H5-5.2-01].

b) Các tổ, nhóm chuyên môn phân công cụ thể cho giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm kết hợp với Đoàn thanh niên, giáo viên phụ trách câu lạc bộ tổ chức giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-06]; [H5-5.2-01].

Việc thực hiện dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu được giáo viên và tổ chuyên môn đặc biệt quan tâm. Hầu hết giáo viên đảm nhận việc bồi dưỡng học sinh giỏi đều nhiệt tình, có kinh nghiệm, dạy nhiều hơn số tiết trong kế hoạch [H1-1.8-02]; [H5-5.1-06]. Công tác phụ đạo học sinh yếu, kém được tổ chức hàng năm; giáo viên dạy các lớp phụ đạo là giáo viên có kinh nghiệm, nhiệt tình, chuyên môn vững; tổ bộ môn cùng giáo viên xây dựng nội dung phụ đạo và đưa ra những phương pháp giảng dạy phù hợp với học sinh [H1-1.8-02]; [H5-5.1-06]. Việc tổ chức dạy phụ đạo chưa thật sự

được học sinh và cha mẹ học sinh nhận thức đúng. Vẫn còn nhiều học sinh bỏ học hoặc xin ra khỏi lớp phụ đạo cho nên việc nâng chất lượng, kết quả học tập của học sinh chưa cao [H5-5.1-06]. Các lớp phụ đạo chưa được thành lập đầy đủ ở các môn học, nhất là các môn văn hóa [H1-1.8-02]. Đối với học sinh có năng khiếu về thể thao được giáo viên bộ môn phát hiện, lập kế hoạch bồi dưỡng và cử học sinh đi thi; học sinh đem về cho trường nhiều huy chương [H2-2.4-03].

c) Mỗi năm, mỗi học kỳ nhà trường đều rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập cần giúp đỡ. Việc tổng kết công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém về số tiết dạy, về số lượng học sinh tham dự được thực hiện mỗi học kỳ [H5-5.1-06]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. Qua đó học sinh yếu kém ngày một giảm, nâng cao dần chất lượng học tập [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01]. Hơn nữa, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cũng ngày một được các tổ chuyên môn tham gia tích cực và tăng dần về số lượng bộ môn có học sinh đạt học sinh giỏi, đạt giải olympic [H2-2.4-03]; [H5-5.2-01].

Những học sinh có năng khiếu về thể thao đều được Tổ giáo dục thể chất, tổ Quốc phòng và an ninh phát hiện kịp thời, tổ chức bồi dưỡng, lập danh sách cử học sinh tham gia thi đấu cấp quận và cấp thành phố; học sinh đạt nhiều giải cao, có học sinh được dự thi cấp quốc gia [H2-2.4-03]; [H5-5.2-03].

Học sinh có năng khiếu nghiên cứu khoa học cũng được nhà trường phân công giáo viên hướng dẫn, làm hồ sơ cử tham gia cấp thành phố, mỗi năm đều có hồ sơ nghiên cứu khoa học của học sinh được cử tham dự cấp thành phố, tuy nhiên số lượng đạt giải chưa ổn định, có năm có, năm không [H2-2.2-04].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học văn hóa, thể thao, nghệ thuật. Học sinh đạt học sinh giỏi lớp 12 các môn văn hóa cấp thành phố như Ngữ văn, Tiếng anh, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Địa lí,...mấy tính cầm tay môn Toán học, Hóa học; học sinh đạt huy Olympic pic cấp thành phố ở các môn học; học sinh đạt giải thể thao và các hoạt động giáo dục khác cấp quận và cấp thành phố,... [H2-2.4-03]. Tuy nhiên số lượng không ổn định trong các năm [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh chưa đạt, bồi dưỡng học sinh giỏi, rèn luyện các môn năng khiếu, văn nghệ, thể dục thể thao và có kế hoạch cụ thể. Số lượng môn học tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, olympic mỗi năm tăng lên.

3. Điểm yếu

Vẫn còn học sinh bỏ học hoặc xin ra khỏi lớp phụ đạo cho nên việc nâng chất lượng giảng dạy chưa cao. Số học sinh đạt giải các cuộc thi cấp thành phố có tăng tuy nhiên chưa ổn định ở nhiều môn, cuộc thi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phối hợp với các tổ trưởng chuyên môn đề xuất các giải pháp cụ thể, đưa các giải pháp này vào kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, olympic, năng khiếu và các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn và của trường trong năm học 2025-2026.

Từ năm học 2025-2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách nền nếp, kỷ luật học sinh xây dựng quy trình phối hợp và quản lý học sinh yếu kém, quản lý học sinh phụ đạo; chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn tăng cường các buổi báo cáo chuyên đề, phổ biến kinh nghiệm và đổi mới phương pháp giảng dạy trong tổ hay liên tổ và hội đồng sư phạm; giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn kết hợp với Đoàn thanh niên theo dõi, động viên giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập để có những hỗ trợ kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 2: Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2:

Nhà trường thực hiện dạy Nội dung Giáo dục địa phương theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2022-2023 ở lớp 10 và cuốn chiếu đến lớp 1 năm học 2024-2025; đối với chương trình Giáo dục phổ thông theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT, triển khai dạy đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định (Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ năm học 2008-2009) và các văn bản hiện hành, hướng dẫn chuyên môn đầu năm của Sở Giáo dục và Đào tạo, qua lồng ghép tích hợp các bài giảng môn xã hội và qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Giáo dục thể chất và Công nghệ, Giáo dục Quốc phòng và an ninh. Từ năm học 2025-2026, sau sáp nhập và thực hiện nội dung Giáo dục địa phương theo hướng dẫn trực tiếp từ Sở Giáo dục và Đào tạo và bố trí dạy học theo tiết trên lớp học [H1-1.4-04].

Đầu năm học, phó hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch, nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và chú ý gắn lý luận với thực tiễn thể hiện trong kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, cụ thể trong kế hoạch thực hiện chương trình từng khối lớp, chỉ đạo nhóm trưởng Nội dung giáo dục địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Nội dung giáo dục địa phương chi tiết theo tiết học để thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [H1-1.4-04]; phân công giáo viên làm nhóm trưởng Nội dung giáo dục địa phương, đề nghị các tổ chuyên môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân rà soát và thực hiện tích hợp lồng ghép giáo dục địa phương trong các tiết học chính khóa, tổ chức tham quan hoặc thuyết trình về di tích lịch sử địa phương,... để giáo dục học sinh về truyền thống dân tộc, tình yêu quê hương đất nước đảm bảo phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H1-1.4-04]; [H5-5.1-03].

Việc kiểm tra, đánh giá Nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo kế hoạch thực hiện chương trình của môn học và kế hoạch kiểm tra, đánh giá thống nhất của tổ/nhóm chuyên môn, kế hoạch thực hiện Nội dung Giáo dục địa phương từ năm học 2022-2023 theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Học sinh được kiểm tra, đánh giá bằng hình thức bài kiểm tra trên lớp hoặc bài thu hoạch thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế, theo kế hoạch giảng dạy nội dung Giáo dục địa phương [H1-1.1-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Các tổ chuyên môn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học qua việc tích hợp lồng ghép bài học gắn với thực tiễn, lấy học sinh làm trung tâm để phát huy năng lực nhận thức, khả năng vận dụng kiến thức qua các buổi thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm [H5-5.1-03]. Tuy nhiên, việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định cũng gặp một số khó khăn nhất định như tài liệu giáo dục địa phương chưa phong phú, giáo viên dạy Nội dung giáo dục địa phương không được đào tạo chuyên môn nên việc tổ chức dạy học, soạn giảng chưa được giáo viên hưởng ứng.

Cuối mỗi năm học, nhóm môn Nội dung Giáo dục địa phương, các tổ chuyên môn có tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương theo quy định; cập nhật tài liệu mới thiết thực về giáo dục địa phương theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Bộ Giáo dục và Đào tạo để giảng dạy phù hợp với tình hình thực tế địa phương [H1-1.3-02]; [H1-1.4-05].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thực hiện kế hoạch đưa học sinh đi tham quan, học tập, về nguồn tại các di tích lịch sử của Quận Bình Thạnh, tham quan Nhà truyền thống quận Bình Thạnh, thực hiện kế hoạch Hoa phượng đỏ trong hè, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử; thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục địa phương theo quy định [H1-1.3-02]; [H1-1.4-04]. Qua các hoạt động giáo dục đó giúp các em hiểu biết sâu sắc hơn về truyền thống đấu tranh bất khuất, về phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Tuy nhiên, các buổi tham quan thực tế địa phương chưa được tổ chức thường xuyên và rộng khắp cho tất cả học sinh nhà trường mà học sinh tham gia chủ yếu là đoàn viên [H1-1.3-02]; [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện dạy Nội dung Giáo dục địa phương theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được thực hiện đầy đủ, đảm bảo nội dung, thời lượng theo tài liệu Giáo dục địa phương của thành phố Hồ Chí Minh đã được bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và các hướng dẫn của Sở Giáo dục.

Các tổ chuyên môn tích cực, chủ động thực hiện đa dạng các hình thức dạy học nội dung giáo dục địa phương, lồng ghép nội dung giáo dục địa phương đa dạng, phù hợp, gắn với thực tiễn tạo hứng thú cho học sinh qua giờ dạy chính khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa.

Các hoạt động đoàn thanh niên về tham quan, học tập trải nghiệm tại địa phương được tổ chức đa dạng, hoạt động thực tiễn góp phần giáo dục tốt nội dung giáo dục địa phương.

3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục địa phương chưa phong phú, chưa cập nhật kịp thời; giáo viên dạy Nội dung giáo dục địa phương không được đào tạo chuyên môn nên việc tổ chức dạy học, soạn giảng chưa được giáo viên hưởng ứng.

Hoạt động của Đoàn thanh niên chưa thường xuyên và chưa mở rộng cho các đối tượng học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chuyên môn tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học nội dung giáo dục địa phương; chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên tổ chức trong tổ rà soát cập nhật tài liệu, tranh ảnh, nội dung giáo dục địa phương, đề xuất các địa điểm cho học sinh tham quan, trải nghiệm thực tiễn; chỉ đạo nhóm trưởng chuyên môn Nội dung giáo dục địa phương thường xuyên tổ chức sinh hoạt nhóm môn, trao đổi tài liệu và tổ chức rút kinh nghiệm dạy học để tăng cường sự hỗ trợ chuyên môn trong nhóm giáo viên thực hiện nhiệm vụ.

Từ năm học 2025-2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công tác hoạt động và Đoàn thanh niên tăng cường liên hệ với địa phương để tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu và học tập thực tế lồng ghép nội dung địa phương và có kế hoạch kiểm giáo dục cụ thể để thu hút đông đảo học sinh tham gia, mở rộng cho các đối tượng học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2:

- a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường [H1-1.8-01].

Kế hoạch tham quan trải nghiệm được nhà trường xây dựng căn cứ trên kế hoạch ngoại khóa của tổ chuyên môn và tình hình thực tiễn của nhà trường như tiết học tại thư viện, câu lạc bộ thể dục thể thao, câu lạc bộ Vật lí, Hóa học, sản phẩm giáo dục Stem, nhóm chuyên môn Giáo dục công dân vẽ tranh cổ động an toàn giao thông, câu lạc bộ nhiếp ảnh,.. [H5-5.1-02]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh được thực hiện trên lớp theo tiết, dạng hình thức tập thể theo khối, hình thức toàn trường với các chuyên đề hướng nghiệp, tham quan trải nghiệm hướng nghiệp; các buổi tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh; hoạt động trải nghiệm trong các hoạt động ngoại khóa tổ chuyên môn, các tiết học bộ môn và tiết học ngoài không gian lớp học [H1-1.8-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.4-02].

Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm các môn học tại trường: tiết học tại Thư viện, câu lạc bộ Thể dục thể thao, Trong các kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hiệu trưởng nhà trường có phân công, huy động lãnh đạo trường, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.10-07]; [H5-5.4-03]. Ngoài ra, nhà trường tiến hành tổ chức tham quan trải nghiệm kết hợp với các tổ bộ môn với các chuyến đi tham quan, trải nghiệm như giao lưu văn hóa công chiêng tại Đà Lạt; tham quan học tập tại các khu di tích lịch sử, các trường đại học, cao đẳng cho học sinh và tùy vào thực tiễn hàng năm mà thay đổi địa điểm [H5-5.4-01].

Kế hoạch tư vấn hướng nghiệp cho khối 12 được tổ chức phối hợp với chương trình tư vấn tuyển sinh của Báo Giáo dục, phối hợp với các trường đào tạo trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp và các trường đại học, cao đẳng tổ chức tư vấn ngành nghề trực tiếp cho học sinh khối 12 để lựa chọn những ngành nghề phù hợp sau khi đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông [H5-5.4-02].

b) Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 được định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời về kế hoạch thực hiện chương trình, về việc tổ chức thực hiện. Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát và đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành và điều chỉnh phân công, hình thức tổ chức phù hợp với thực tiễn; các buổi họp giáo viên chủ nhiệm, họp tổ trưởng chuyên môn, họp giáo viên dạy HĐ TNHN; lắng nghe ý kiến phản hồi sau khi tổ chức các hoạt động để kịp thời rút kinh nghiệm, cải tiến công tác tổ chức các lần sau [H1-1.1-04].

Ngoài ra nhà trường còn tiến hành tổ chức tiết học ngoài nhà trường: Các kế hoạch có thay đổi các địa điểm để tổ chức các hoạt động trải nghiệm khác nhau, tạo hứng thú cho học sinh và đạt kết quả thiết thực. Thông qua các hoạt động trải nghiệm, học sinh tham quan học tập nghiêm túc, vui vẻ, đoàn kết, nâng cao tinh thần học tập. Học sinh vận dụng tốt kiến thức lý thuyết vào thực tiễn giúp chất lượng các bài kiểm tra được nâng cao, học sinh tự đánh giá được thực chất khả năng học tập của chính mình. Tuy nhiên, khoảng 20% học sinh còn thụ động trong các hoạt động trải nghiệm, chọn nghề còn theo phong trào chưa chú trọng đến sở thích và năng lực của bản thân làm ảnh hưởng đến việc chọn lựa nghề nghiệp trong tương lai [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức được đa dạng các hình thức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và thực hiện đúng, đầy đủ chương trình Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo chương trình và kế hoạch chung của nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia hoạt động tham quan, trải nghiệm chưa nhiều nhất là những chuyến trải nghiệm nơi xa.

Vẫn có một số học sinh thụ động trong các hoạt động trải nghiệm, chọn nghề còn theo phong trào chưa chú trọng đến sở thích và năng lực của bản thân làm ảnh hưởng đến việc chọn lựa nghề nghiệp trong tương lai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách mảng hoạt động phong trào kết hợp với Đoàn thanh niên tăng cường công tác tuyên truyền bằng các hình thức đa dạng, phong phú đến học sinh về ý nghĩa của các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tổ chức đa dạng các hình thức hướng nghiệp và hướng nghiệp chuyên sâu để học sinh định hướng và chọn ngành theo đúng năng lực, sở thích.

Từ năm học 2025-2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo công tác dạy Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp tăng cường chuyên đề định hướng nghề nghiệp cho học sinh theo sở thích, năng lực trong các tiết học này.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 2:

- a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện
- b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển

Mức 3: Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn

1. Mô tả hiện trạng

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đa dạng hóa hình thức kiểm tra đánh giá trong đó kiểm tra định kỳ, thường xuyên với nhiều hình thức khác nhau như tự luận, trắc nghiệm, làm dự án, bài thu hoạch... Thông qua quá trình đánh giá này, giáo viên sửa chữa bài kiểm tra, nhận xét và tư vấn cho học sinh về những lỗi sai, từ đó hình thành các kỹ năng tự đánh giá kiến thức của mình trong mỗi môn học. Ngoài ra trong quá trình giảng dạy, tùy vào phương pháp giảng dạy của từng giáo viên mà giáo viên đưa ra các câu hỏi, chủ đề để học sinh tự tìm hiểu, tự nghiên cứu để nâng cao kỹ năng tự đánh giá kết quả học tập của mình [H5-5.5-01].

Giáo viên bộ môn nhận xét về sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập bộ môn [H1-1.5-03]; [H5-5.5-01]; giáo viên chủ nhiệm nhận xét học sinh thường xuyên trong các tiết học, tiết sinh hoạt lớp, giữa học kỳ, cuối học kỳ [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01].

Ngay từ đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn đã sinh hoạt kỹ tiêu chí đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, về mặt học lực, hạnh kiểm và đánh giá thi đua tập thể lớp để các em học sinh biết tự đánh giá và có hướng phấn đấu đạt kết quả tốt trong tuần, tháng và đánh giá cuối kỳ [H1-1.5-02].

Học sinh biết xác định được mục tiêu, nội dung bài học; xác định các nội dung liên quan trong các tài liệu tham khảo, tái hiện những kiến thức liên quan đã được nghe giảng [H3-3.6-04]; [H5-5.1-03]. Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh sẽ tự hình thành kỹ năng tự kiểm tra đánh giá và giải quyết các vấn đề, trao đổi thảo luận với bạn bè; kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trình bày trước lớp [H1-1.5-05]; [H3-3.6-04]; [H4-4.2-07]; [H5-5.1-03].

b) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển năng lực học sinh, các kỹ năng sống phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức học tập của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương thông qua các kế hoạch hoạt động năm học như kế hoạch sinh hoạt dưới cờ, chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, lồng ghép vào các tiết học bộ môn Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Ngữ văn, Sinh học, Tiết học Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của chương trình 2018, môn Giáo dục thể chất, Quốc phòng an ninh; tiết học tại thư viện, thuyết trình đóng kịch, rung chuông vàng có sự kết hợp liên tổ Lịch sử - Địa lí - Giáo dục công dân, chuyên đề giáo dục An toàn giao thông, vẽ tranh theo chủ đề, tìm hiểu Luật phòng chống tham nhũng, tác hại của ma túy, luật nghĩa vụ quân sự, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, kỹ năng sử dụng mạng xã hội, phòng chống bạo lực học đường,...[H1-1.4-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.10-07]. Qua đó học sinh được giáo dục về các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm, kỹ năng văn hóa ứng xử cho học sinh,... [H1-1.10-07].

Ngoài ra các hoạt động của Đoàn thanh niên luôn định hướng học sinh hình thành kỹ năng sống, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương như phong trào đăng ký tiết học tốt chào mừng ngày 20/11, ngày 26/3; hoạt động thăm hỏi các gia đình chính sách của quận Bình Thạnh, phong trào tặng quà tết cho các bạn khó khăn, học bổng đoàn trường, hoạt động quyên góp ủng hộ lũ lụt, trẻ em nghèo vui trung thu,...[H1-1.3-02].

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục. Cụ thể: Học sinh có thể rèn luyện kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm qua nhiều tiết học của các giáo viên bộ môn vận dụng đổi mới phương pháp dạy học, tích hợp lồng ghép vào các môn học hằng ngày là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh [H5-5.1-03].

Nhà trường giáo dục các quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học cho học sinh, giáo dục sự hiểu biết về các truyền thống văn hóa của dân tộc qua các tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi ngoại khóa tổ chức lồng ghép sân khấu hóa với phân thi ứng xử về cách xử lý tình huống trong cuộc sống [H5-5.1-03]; [H5-5.3-01]; [H5-5.4-02].

Học sinh hiểu biết pháp luật khi tham dự buổi sinh hoạt dưới cờ lồng ghép phát động tháng an toàn giao thông vào tháng 9 hằng năm; thông qua việc mời báo cáo viên tuyên truyền kiến thức pháp luật giao thông cho học sinh để nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật giao thông, chấp hành pháp luật tốt hơn [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H5-5.4-04].

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Ví dụ như:

Việc chú trọng giáo dục kỹ năng sống của nhà trường thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy kỹ năng sống theo các chủ đề khác nhau đã giúp học sinh hình thành và phát triển tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập thể hiện ở tình cảm, thái độ ứng xử của học sinh phù hợp với môi trường học đường, với những truyền thống văn hóa Việt Nam [H1-1.5-01]. Kết quả rèn luyện cuối năm về hạnh kiểm khá, tốt ngày càng cải thiện [H1-1.5-01], số học sinh vi phạm kỷ luật nghiêm trọng như gây hấn, đánh nhau trong những năm gần đây giảm đáng kể, không có học sinh vi phạm pháp luật về an toàn giao thông thể hiện trong báo cáo của trường và báo cáo của

Đoàn thanh niên [H1-1.1-03]; [H1-1.3-02]. Tuy nhiên, vẫn còn học sinh chưa nhạy bén thích ứng, hòa nhập tốt trong giao tiếp xã hội, vẫn vi phạm nội quy, vi phạm kỷ luật phải xử lý và phải rèn luyện về hạnh kiểm trong hè [H1-1.2-05]; [H1-1.5-05]; [H1-1.10-08].

Xây dựng và hoàn thiện các quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, bằng nhiều hình thức khác nhau như thông qua các buổi ngoại khóa tổ Ngữ văn và câu lạc bộ Văn học, tổ chức lồng ghép sân khấu hóa với phần thi ứng xử và hoạt động viết thư gửi “Thần tượng tôi yêu” vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa tổ Ngữ Văn [H5-5.1-02]; tham gia trải nghiệm tại sân khấu kịch, tham gia các hoạt động dọn vệ sinh bảo vệ môi trường trong quận Bình Thạnh, tổ chức các hoạt động quyên góp ủng hộ bạn nghèo vui Tết Trung thu,... Đồng thời xây dựng tinh thần chia sẻ, ý thức trách nhiệm cho các em [H1-1.3-02].

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển như:

Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử biết điều chỉnh, quản lý cảm xúc trong môi trường học đường, với bố mẹ, người lớn tuổi; có trách nhiệm hơn với bản thân, gia đình, xã hội, trong giao tiếp, ứng xử, quản lý cảm xúc; có thể tự phục vụ bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01]; [H5-5.1-03]; [H5-5.4-02].

Các hoạt động thiện nguyện, công tác xã hội của học sinh nhà trường đạt nhiều kết quả giáo dục cao và có sức lan tỏa trong nhà trường [H1-1.3-02]; học sinh của trường được tuyên dương khen thưởng học sinh ba tốt cấp Quận, khen thưởng chiến sĩ Hoa phượng đỏ,... [H1-1.3-02].

Mức 3:

Trong những năm qua, học sinh của trường bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo hướng dẫn của giáo viên, sản phẩm dự thi cấp thành phố [H2-2.2-04]. Mỗi năm nhà trường đều phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và cử đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh tham gia dự thi Hội thi nghiên cứu khoa học dành cho học sinh phổ thông cấp Thành phố [H2-2.2-04]. Đã có những năm đạt giải nghiên cứu khoa học cấp thành phố giải nhì, giải khuyến khích [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04]; [H2-2.4-03]. Tuy nhiên số đề tài đạt giải cấp thành phố không ổn định, chưa nhiều, chất lượng các đề tài chưa thật sự đảm bảo, giáo viên cũng ngại, không nhiệt tình với hoạt động này vì tốn nhiều thời gian.

2. Điểm mạnh

Học sinh có khả năng tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân. Nhà trường thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đa dạng qua đó hình thành đạo đức, lối sống lành mạnh của học sinh góp phần đạt mục tiêu giáo dục.

Bước đầu học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn đời sống.

3. Điểm yếu

Vẫn còn học sinh chưa nhạy bén thích ứng, hòa nhập tốt trong giao tiếp xã hội, chưa rèn luyện và hình thành được nhận thức đầy đủ nên vẫn vi phạm nội quy, vi phạm kỷ luật phải xử lý và phải rèn luyện về hạnh kiểm trong hè.

Số đề tài đạt giải cấp thành phố không ổn định, chưa nhiều, chất lượng các đề tài chưa thật sự đảm bảo, giáo viên cũng ngại, không nhiệt tình với hoạt động này vì tốn nhiều thời gian.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2025-2026, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn khi lập kế hoạch hoạt động của tổ thì rà soát, bổ sung quy chế, kế hoạch kiểm tra đánh giá; rà soát nội dung tích hợp, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, phát triển các năng lực cho học sinh; nâng cao chất lượng hoạt động trải nghiệm thực tiễn, đảm bảo nội dung phù hợp mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Từ năm học 2025-2026, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách nền nếp học sinh và Đoàn thanh niên tăng cường tuyên truyền phổ biến nội quy, làm tốt việc phối hợp tốt với cha mẹ học sinh, quản lý nền nếp học sinh, đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội, đoàn thể trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh về ý thức chấp hành nội quy, thực hiện kỷ luật.

Định kỳ đầu năm và cuối năm mỗi năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học triển khai sớm cho giáo viên và học sinh; tổ chức tập huấn chuyên đề về hướng dẫn nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học; tổ chức cuộc thi nghiên cứu khoa học trong học sinh hàng năm để tuyển chọn những đề tài có chất lượng tham gia dự thi cấp thành phố.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường

Mức 2:

- a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá

Mức 3:

- a) Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh:
 - Kết quả học tập theo mức Tốt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 5% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 20% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Tốt của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 10% trở lên đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và từ 25% trở lên đối với trường chuyên;
 - Kết quả học tập theo mức Khá: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc vùng khó khăn đạt từ 30% trở lên đối với trường trung học cơ sở, từ 20% trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 55% trở lên đối với trường chuyên; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Khá của trường thuộc các vùng còn lại đạt từ 35% trở

lên đối với trường trung học cơ sở, từ 25% trở lên đối với trường trung học phổ thông và từ 60% trở lên đối với trường chuyên;

- Kết quả học tập theo mức Chưa đạt: tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc vùng khó khăn không quá 10%; tỷ lệ học sinh được đánh giá theo mức Chưa đạt của trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông thuộc các vùng còn lại không quá 5%; trường chuyên không có học sinh xếp loại Chưa đạt;

- Kết quả rèn luyện: tỷ lệ học sinh trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được đánh giá ở mức Khá, Tốt từ 90% trở lên và từ 98% trở lên đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và không được lên lớp:

- Vùng khó khăn: không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh không được lên lớp; trường chuyên không có học sinh không được lên lớp và không có học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực cuối năm từ trung bình trở lên (lên lớp thẳng) bình quân các năm đạt trên 98%, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình trở lên ở các năm đạt trên 99% [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-05]; [H1-1.6-04].

| Năm học | 2021-2022 | | 2022-2023 | | 2023-2024 | | 2024-2025 | | 2025-2026 | |
|------------------------------|--------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------|-------------|
| | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 12 | 16,71 | Không đạt chỉ tiêu | 15,63 | Không đạt chỉ tiêu | 14,65 | Không đạt chỉ tiêu | 14,55 | 15% | 12,9 |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 45 | 50,41 | Không đạt chỉ tiêu | 50,95 | Không đạt chỉ tiêu | 50,87 | Không đạt chỉ tiêu | 55,48 | Không đạt chỉ tiêu | 54,93 |

| Năm học | 2021-2022 | | 2022-2023 | | 2023-2024 | | 2024-2025 | | 2025-2026 | |
|------------------------------------|--------------------|-------------|---------------------|-------------|---------------------|-------------|---------------------|-------------|---------------------|-------------|
| | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) | Chỉ tiêu (%) | Thực tế (%) |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại trung bình | Không đạt chỉ tiêu | 29,48 | Lên lớp 97% trở lên | 31,74 | Lên lớp 97% trở lên | 33,93 | Lên lớp 97% trở lên | 29,48 | Lên lớp 98% trở lên | 30,82 |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu kém | Không đạt chỉ tiêu | 3,4 | Không đạt chỉ tiêu | 1,61 | Không đạt chỉ tiêu | 0,56 | Không đạt chỉ tiêu | 0,5 | Không đạt chỉ tiêu | 1,35 |
| Hạn kiểm m (khá-tốt) | 99 | 97,9 | Không đạt chỉ tiêu | 94,68 | Không đạt chỉ tiêu | 96,35 | 99 | 97,23 | 99 | 95,77 |
| Hạn kiểm m (trung bình) | | 1,97 | Từ TB trở lên 99.6% | 5,12 | Không đạt chỉ tiêu | 3,58 | 2,77 | 2,1 | | |

b) Trong kế hoạch năm học, nhà trường cũng đề ra chỉ tiêu tỷ lệ học sinh lên lớp cho từng năm học. Để thực hiện kế hoạch, ngay sau mỗi kỳ kiểm tra tập trung, nhà trường đã xây dựng kế hoạch phụ đạo cho học sinh yếu, kế hoạch ôn thi tốt nghiệp cho học sinh khối 12. Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng học sinh yếu luôn được nhà trường và các tổ bộ môn quan tâm, cử những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm trực tiếp đứng lớp [H5-5.1-06]. Chính vì thế, tỉ lệ học sinh lên lớp luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-05].

Đối với hoạt động bồi dưỡng học sinh ôn thi tốt nghiệp, ngay từ đầu mỗi năm học nhà trường đã tiến hành cho học sinh đăng ký định hướng chọn môn thi tốt nghiệp để chia lớp ôn tập tốt nghiệp phổ thông, và sau mỗi học kỳ cho các em tiến hành đăng ký chuyển môn (nếu thấy chưa phù hợp). Chính vì thế, tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm của trường luôn đạt yêu cầu đề ra và ngày một tăng[H1-1.6-04]; [H5-5.6-01].

| Năm học | Lên lớp | | Tốt nghiệp | |
|-----------|-------------|---------|--|---------|
| | Chỉ tiêu | Kết quả | Chỉ tiêu (Bằng hoặc trên thành phố) | Kết quả |
| 2020-2021 | 97% | 99,6% | Thành phố 99,4% | 99,6% |
| 2021-2022 | 97% | 98,98% | Thành phố 99,52% | 99,35% |
| 2022-2023 | $\geq 97\%$ | 98,59% | Thành phố 99,66% | 99,52% |
| 2023-2024 | 98% | 99,63% | Thành phố 99,68% | 99,23% |
| 2024-2025 | 98% | 99,45% | Thành phố 99,68% | 100% |
| 2025-2026 | | | | |

c) Ngay từ đầu mỗi năm học lớp, thông qua hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm, nhà trường đã chú trọng công tác định hướng phân luồng cho học sinh. Các tổ bộ môn, Đoàn trường thông qua kế hoạch giảng dạy, ngoại khóa, sinh hoạt dưới cờ và các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp,... đã có sự định hướng cho các em học sinh trong vấn đề chọn môn học, ngành nghề phù hợp với tương lai [H1-1.10-07]; [H2-2.4-01]; [H5-5.4-02].

Nhà trường phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng, các trung tâm dạy nghề thực hiện tốt công tác tư vấn, phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông. Các em học sinh, đặc biệt là học sinh khối 12 không còn bỡ ngỡ trong vấn đề chọn ngành, nghề phù hợp với năng lực bản thân [H1-1.10-07]; [H5-5.4-02].

| STT | NĂM HỌC | SỐ SỐ | TỐT NGHIỆP THPT | | ĐH/CD | | TRUNG CẤP/ĐI LÂM | |
|-----|-----------|-------|-----------------------|--------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|------------------|
| | | | CHỈ TIÊU | KẾT QUẢ | CHỈ TIÊU | KẾT QUẢ | CHỈ TIÊU | KẾT QUẢ |
| 1 | 2020-2021 | 581 | 99% | 579/581 = 99,6% | 89% | 539 /581 = 92,7%. | 11% | 42/581 = 7,3% |
| 2 | 2021-2022 | 460 | \geq TP (99,52%) | 457/460 =99,35% | Không đạt chỉ tiêu | 420/460 =91,3% | Không đạt chỉ tiêu | =8,7% |

| | | | | | | | | |
|---|-----------|-----|-----------------------|--------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|--------|
| 3 | 2022-2023 | 416 | \geq TP (99,66%) | 414/416 =99,52% | Không đặt chỉ tiêu | 390/416 =93,75% | Không đặt chỉ tiêu | =6,25% |
| 4 | 2023-2024 | 520 | \geq TP (99,68%) | 516/520 =99,23% | Không đặt chỉ tiêu | 477/520 =91,73% | Không đặt chỉ tiêu | =8,22% |
| 5 | 2024-2025 | 421 | \geq TP (99,68%) | 421/421 =100% | Không đặt chỉ tiêu | 400/421 =95,01% | Không đặt chỉ tiêu | =4,99% |
| 6 | 2025-2026 | | | | | | | |

Mức 2:

a) Từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2025 – 2026, kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyên biến tích cực [H1-1.5-01]; [H1-1.5-05]:

Năm học 2021 – 2022: ở học kỳ, tỉ lệ học sinh đạt yêu cầu (trung bình trở lên) đạt 97,34% (khá giỏi đạt 76,9%), hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt 100% (hạnh kiểm khá tốt đạt 99,68%).

Năm học 2022 – 2023: tỉ lệ học sinh đạt yêu cầu (trung bình trở lên) đạt 96,6% (khá giỏi đạt 67,12%), hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt 99,8% (khá tốt đạt 94,7%).

Năm học 2023 – 2024: tỉ lệ học sinh đạt yêu cầu (trung bình trở lên) đạt 99,7% (khá giỏi đạt 66,1%), hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt 99,75% (khá tốt đạt 96,4%).

Năm học 2024 – 2025: tỉ lệ học sinh đạt yêu cầu (trung bình trở lên) đạt 98,5% (khá giỏi đạt 70,0%), hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt 98,8% (khá tốt đạt 96,6%).

Năm học 2025 – 2026: tỉ lệ học sinh đạt yêu cầu (trung bình trở lên) đạt% (khá giỏi đạt%), hạnh kiểm từ trung bình trở lên đạt% (khá tốt đạt%).

b) Từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2025 – 2026, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyên biến tích cực [H1-1.5-01]; [H1-1.5-05]; [H5-5.6-01].

Năm học 2021 – 2022, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 98,98 %, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 99,35 %.

Năm học 2022 – 2023, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 98,59%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 99,52 %.

Năm học 2023 – 2024, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 99,63%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 99,23 %.

Năm học 2024 – 2025, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt 99,45%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt 100 %.

Năm học 2025 – 2026, tỉ lệ học sinh lên lớp đạt%, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp đạt%.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

Ngay từ đầu năm, nhà trường đề nghị các tổ bộ môn phát hiện và lập kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh giỏi và cử giáo viên có uy tín, kinh nghiệm và chuyên môn tốt phụ trách công việc này. Tuy nhiên, việc tuyển chọn, phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi còn gặp khó khăn do điểm tuyển sinh đầu vào thấp. Mặt khác, học sinh còn phải đảm bảo việc học cho nhiều môn khác nên chưa dành nhiều thời gian cho hoạt động này [H2-2.4-03].

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh trong 5 năm từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2025 – 2026 [H1-1.5-01]; [H1-1.5-05]:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt bình quân 14,89%;
- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá đạt bình quân 52,44%;
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém bình quân 1,48%;
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt bình quân 96,39%

Kết quả giáo dục của nhà trường về tỷ lệ học sinh yếu kém của nhà trường bình quân vẫn cao ở các năm học.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại học lực của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục. Tỷ lệ học sinh đạt kết quả rèn luyện khá, tốt vượt chỉ tiêu đề ra.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp chưa cao, có những năm học chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

Do đặc điểm nhà trường chủ yếu là học sinh con em lao động nghèo, cha mẹ học sinh không có nhiều thời gian quan tâm đến việc học của các em nên kết quả học tập, rèn luyện của các em còn thấp so với mục tiêu giáo dục, tỷ lệ lưu ban và bỏ học vẫn cao, có những em phải kiểm tra, đánh giá, rèn luyện lại trong hè.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tiếp tục thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém và tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, phấn đấu tăng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia đạt 100%. Phân công giáo viên chủ nhiệm phối hợp với bộ phận liên quan nhắc nhở, động viên học sinh yếu, kém tham gia học phụ đạo để nâng cao chất lượng giáo dục, đạt chỉ tiêu theo kế hoạch năm học đã đề ra. Tăng cường phối hợp với gia đình và địa phương vận động học sinh bỏ học đến lớp.

Từ đầu năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách nền nếp của học sinh xây dựng kế hoạch quản lý học sinh rõ ràng, cụ thể; có quy trình phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, với cha mẹ học sinh chưa ngoan để kịp thời giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục theo đúng quy định về chương trình, thực hiện đầy đủ các kế hoạch, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Mỗi năm các hoạt động giáo dục càng phong phú đa dạng, phát huy tính chủ động sáng tạo của người học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

Các tổ chuyên môn tích cực, chủ động thực hiện đa dạng các hình thức dạy học nội dung giáo dục địa phương, lồng ghép nội dung giáo dục địa phương đa dạng, phù hợp, gắn với thực tiễn tạo hứng thú cho học sinh qua giờ dạy chính khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa.

Các hoạt động đoàn thanh niên về tham quan, học tập trải nghiệm tại địa phương được tổ chức đa dạng, hoạt động thực tiễn góp phần giáo dục tốt nội dung giáo dục địa phương. Nhà trường tổ chức được đa dạng các hình thức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và thực hiện đúng, đầy đủ chương trình Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo chương trình và kế hoạch chung của nhà trường.

Kết quả xếp loại học lực của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục. Tỷ lệ học sinh đạt kết quả rèn luyện khá, tốt vượt chỉ tiêu đề ra.

Điểm yếu:

Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông chưa cao. Số học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố và dự thi olympic chưa nhiều. Số đề tài nghiên cứu khoa học đạt giải cấp thành phố không ổn định, chất lượng các đề tài chưa thật sự đảm bảo.

Vẫn còn học sinh chưa nhạy bén thích ứng, hòa nhập tốt trong giao tiếp xã hội, chưa rèn luyện và hình thành được nhận thức đầy đủ nên vẫn vi phạm nội quy, vi phạm kỷ luật phải xử lý và phải rèn luyện về hạnh kiểm trong hè.

Giáo viên dạy Nội dung giáo dục địa phương không được đào tạo chuyên môn nên việc tổ chức dạy học, soạn giảng chưa được giáo viên hưởng ứng.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt theo yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chuẩn ĐG Mức 4: Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học Mức 4

Mở đầu:

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

Mức 4: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan

Mức 4: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá: Chưa đạt**

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận

Mức 4: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường

Mức 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường

Mức 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận

Mức 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các

trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận

1. Mô tả hiện trạng

2. Điểm mạnh

3. Điểm yếu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

Kết luận:

Điểm mạnh:

Điểm yếu:

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt theo yêu cầu:

Do đặc điểm nhà trường chủ yếu là học sinh con em lao động nghèo, nhập cư, kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn nên vẫn còn tình trạng học sinh nghỉ học giữa chừng. Việc đảm bảo sĩ số năm học vẫn còn chưa đạt yêu cầu đề ra [H1-1.5-01]; [H1-1.8-01].

| Số liệu | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022- 2023 | Năm học 2023- 2024 | Năm học 2024- 2025 | Năm học 2025-2026 |
|------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| Tỷ lệ học sinh lưu ban | 0,88% | 1,2% | 0,37% | 0,24% | |
| Tỷ lệ học sinh bỏ học | 1,08% | 1,27% | 0,18% | 0,66% | 0,11% |

Tỷ lệ học sinh lưu ban bình quân là 0,67%. Tỷ lệ học sinh bỏ học là 0,66%.

b) 100% giáo viên tham gia tập huấn sách giáo khoa môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh. Có ít nhất 10 giáo viên có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và đã thực hiện hướng dẫn học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp thành phố H2-2.2-04×. H1-1.10-07×. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên H2-2.2-02×.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 50% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Cụ thể, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt: năm 2020-

2021 đạt 84,7 %, năm 2021-2022 đạt 94,4 %, năm 2022-2023 đạt 100 %, %, năm 2023-2024 đạt 100 %, năm 2024-2025 đạt 100 % H2-2.2-02×.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường chưa có giáo viên nào có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

a) Trong 05 năm liên tiếp tính tới năm 2025, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng nhà trường đều được đánh giá, xếp loại tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng H2-2.1-02×.

b) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có trình độ trung cấp chính trị H2-2.1-01×; hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, hỗ trợ và không có đơn thư, khiếu nại về hiệu trưởng, phó hiệu trưởng H2-2.1-03×.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Trung học phổ thông Thanh Đa đã tổ chức thực hiện tự đánh giá theo các công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở đánh giá hiện trạng của nhà trường kể từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022. Báo cáo tự đánh giá phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức hoạt động từ đó đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện các chương trình hoạt động giáo dục, công tác quản lý tài chính, cơ sở vật chất, sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh. Trường Trung học phổ thông Thanh Đa đối chiếu với 5 tiêu chuẩn và 28 tiêu chí theo quy định, thông qua những nội dung thẩm định của báo cáo tự đánh giá, nghiêm túc đánh giá những kết quả đạt được về chất lượng giáo dục của nhà trường như sau: Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0% Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 20/28 - Tỉ lệ: 71,43%- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 8/28 - Tỉ lệ: 28,57% Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 3/20 - Tỉ lệ: 15%- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 17/20 - Tỉ lệ: 85% Tự đánh giá tiêu chí Mức 4:- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100% Mức đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT là: Cấp độ 1 Cơ sở giáo dục mong muốn đạt KĐCLGD Cấp độ: 1 Cơ sở giáo dục mong muốn đạt CQG Mức độ: Không đạt chuẩn Quốc Gia

Bình Thạnh, ngàytháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Khánh Vân

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC MÃ HÓA MINH CHỨNG

| Tiêu chí | TT | Mã minh chứng | Tên minh chứng | Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát | Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện | Ghi chú |
|---------------|----|---------------|----------------|---|---|---------|
| Tiêu chí 1.1 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.2 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.3 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.4 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.5 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.6 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.7 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.8 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.9 | | | | | | |
| Tiêu chí 1.10 | | | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | | | | | |
| Tiêu chí 2.2 | | | | | | |
| Tiêu chí 2.3 | | | | | | |
| Tiêu chí 2.4 | | | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | | | | | |
| Tiêu chí 3.2 | | | | | | |
| Tiêu chí 3.3 | | | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | | | | | |
| Tiêu chí 4.2 | | | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | | | | | |

| | | | | | | |
|--------------|--|--|--|--|--|--|
| Tiêu chí 5.2 | | | | | | |
| Tiêu chí 5.3 | | | | | | |
| Tiêu chí 5.4 | | | | | | |
| Tiêu chí 5.5 | | | | | | |
| Tiêu chí 5.6 | | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |